

KINH TẾ VĨ MÔ & THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

Tháng 02/2026



MỤC LỤC

Tóm tắt	03
Kinh tế vĩ mô	04
Tổng quan TTCK tháng 01	10
Triển vọng TTCK tháng 02	20
Lịch sự kiện tháng 02	22
Danh sách mã khuyến nghị 2026	24
Tuyên bố miễn trừ	36



CÓ GÌ TRONG BÁO CÁO NÀY?

([Trở về trang mục lục](#))

- Ngay từ đầu tháng 2, tâm điểm chú ý xoay quanh **biến động bất thường của lãi suất Liên Ngân hàng kỳ hạn qua đêm**. Lãi suất kỳ hạn ngắn đang vượt xa lãi suất các kỳ hạn dài trên thị trường hiện nay gây áp lực rất lớn tới các hoạt động đầu tư khi mà các hoạt động đầu tư có sự nhạy cảm rất lớn về lãi suất. Trong môi trường 2 năm liên tục từ 2024 - 2025 nhà đầu tư sống trong điều kiện lãi suất thấp đã tạo ra các kỳ vọng lớn về triển vọng đầu tư dễ dàng. Năm 2026 chúng ta sẽ chứng kiến lãi suất quay trở lại mức bình thường trước đây và có thể tạo ra cú sốc về lãi suất ngắn hạn cho các nhà đầu tư đang trong “cơ nghiệp” lãi suất thấp.
- Thị trường tháng 1/2026 nhìn chung giống như nhận định trong báo cáo chiến lược mà SHS Research đã phát hành vào đầu tháng 1/2026 với việc thị trường lên vùng 1.920 điểm là vùng giá mục tiêu trong năm 2026 của chúng tôi. Thị trường giao dịch tốt tới gần tết âm lịch và có thể sẽ rơi vào vùng biến động với biên độ rất lớn sau đó. Về cơ bản trạng thái thị trường đang diễn ra như dự báo và trong một số buổi thuyết trình về chiến lược đầu tư đã thể hiện quan điểm rõ ràng như vậy để nhà đầu tư kịp thời điều chỉnh chiến lược đầu tư cho phù hợp. Các nhóm cổ phiếu trọng điểm chúng tôi có khuyến nghị như dầu khí, bảo hiểm, bán lẻ đều có mức sinh lời rất tốt trong tháng 1 vừa qua.
- Về mặt cơ hội đầu tư, ngay trong tháng 1/2026, danh mục khuyến nghị của SHS đã có mức sinh lời bình quân 10,2% và cao gấp 4,1 lần mức tăng trưởng của VN-Index là 2,49%. Hầu hết các cổ phiếu chúng tôi khuyến nghị đã tiến về vùng giá mục tiêu và nhà đầu tư chỉ nên nắm giữ và chốt lãi từng phần chứ không nên gia tăng cổ phiếu ở các vùng giá hiện tại. **Trong cả danh mục khuyến nghị đầu tư cho tháng 2 tới đây chúng tôi chỉ còn thấy cổ phiếu HPG vẫn còn nằm trong vùng mua tiềm năng và tiếp tục khuyến nghị tăng tỷ trọng với mã HPG.** Các cổ phiếu còn lại ở trạng thái bán từng phần, hiện thực hóa lợi nhuận và chờ bán toàn bộ khi thị trường có tín hiệu xấu đi.

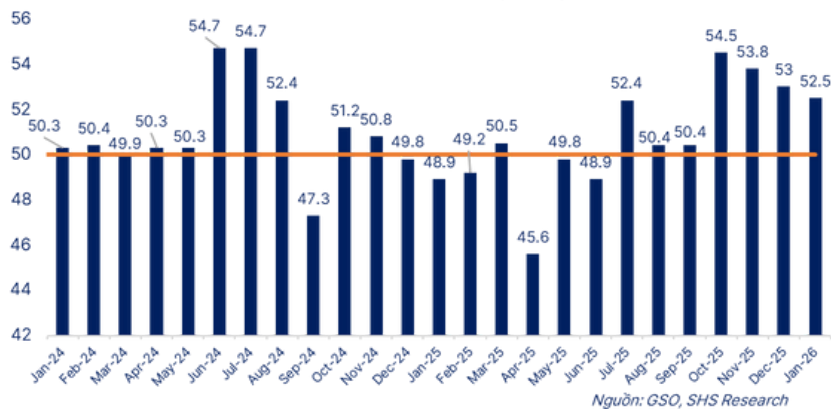


KINH TẾ VĨ MÔ

([Trở về trang mục lục](#)).

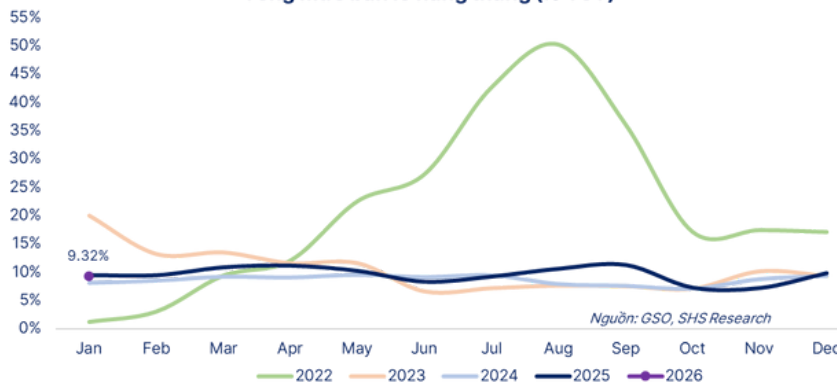
KINH TẾ VĨ MÔ VIỆT NAM

Chỉ số PMI Việt Nam (điểm)



Chỉ số nhà quản trị mua hàng (PMI) ngành sản xuất tháng 1/2026 đạt 52,5 điểm, tiếp tục đứng trên mốc 50 điểm (trên 50 là mở rộng) và kéo dài chuỗi cải thiện sang tháng thứ bảy liên tiếp. Điểm tích cực là đà phục hồi không chỉ “đẹp số” mà còn lan sang các chỉ báo nền: sản lượng, đơn hàng mới và việc làm cùng đi lên, trong khi niềm tin kinh doanh lên mức cao nhất 22 tháng. Rủi ro đáng theo dõi nằm ở “giá”: thời gian giao hàng vẫn kéo dài, chi phí đầu vào tăng mạnh khiến doanh nghiệp phải đẩy giá bán lên nhanh (nhánh nhất kể từ tháng 4/2022), nếu chi phí còn neo cao thì sức mua đơn hàng có thể bị bào mòn trong các tháng tới.

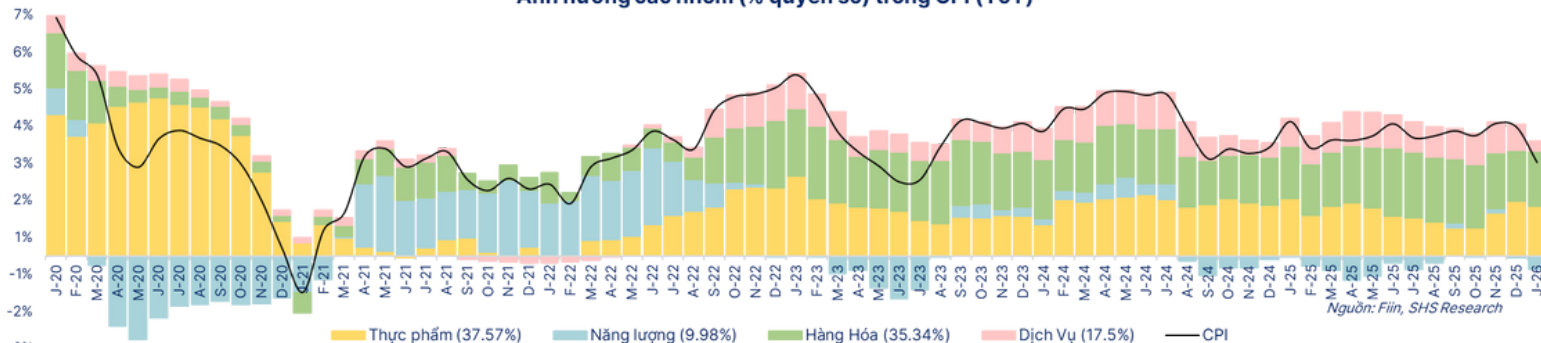
Tổng mức bán lẻ hàng tháng (% YoY)



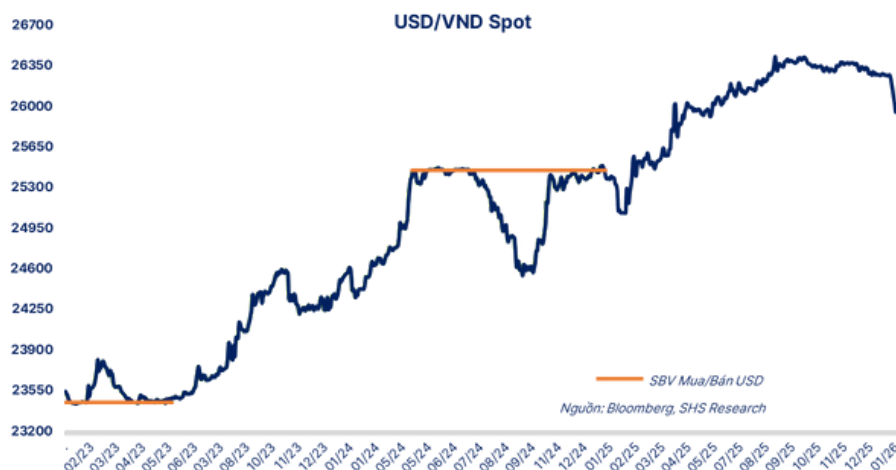
Về tiêu dùng, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng 1 ước 632,4 nghìn tỷ đồng, tăng 9,3% so với cùng kỳ; nếu loại trừ yếu tố giá thì tăng 6,3%. Khi bóc tách, “xương sống” tăng trưởng vẫn là dịch vụ: doanh thu du lịch lữ hành tăng 14,0%, cao hơn rõ rệt so với bán lẻ hàng hóa (+9,3%) và lưu trú, ăn uống (+9,36%). Đáng chú ý, tháng 1 năm nay không trùng cao điểm Tết như cùng kỳ, nhưng khách quốc tế vẫn gần 2,5 triệu lượt, tăng 18,5% so với cùng kỳ, củng cố luận điểm rằng động lực tiêu dùng đang nghiêng về “chi tiêu trải nghiệm”, bền hơn các nhịp mua sắm mùa vụ.

Về lạm phát, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 1/2026 chỉ tăng 0,05% so với tháng trước và tăng 2,53% so với cùng kỳ, bề mặt khá “êm”. Nhưng bên trong có phân hóa: nhóm nhà ở và vật liệu xây dựng tăng 0,70% và đóng góp 0,16 điểm phần trăm vào CPI, trong khi nhóm giao thông giảm 2,32% (giá xăng giảm 5,34%) giúp “hãm” CPI chung. Điểm then chốt cho các tháng tới là bộ quyền số CPI mới giai đoạn 2025–2030 (năm gốc 2024) đã nâng tỷ trọng nhóm nhà ở, điện, nước, chất đốt và vật liệu xây dựng lên 22,7%: nghĩa là **biến động của tiền thuê nhà, giá điện, gas, vật liệu... sẽ “nặng cân” hơn trong CPI**, dù giá thực phẩm có thể vẫn tương đối ổn định.

Ảnh hưởng các nhóm (% quyền số) trong CPI (YoY)



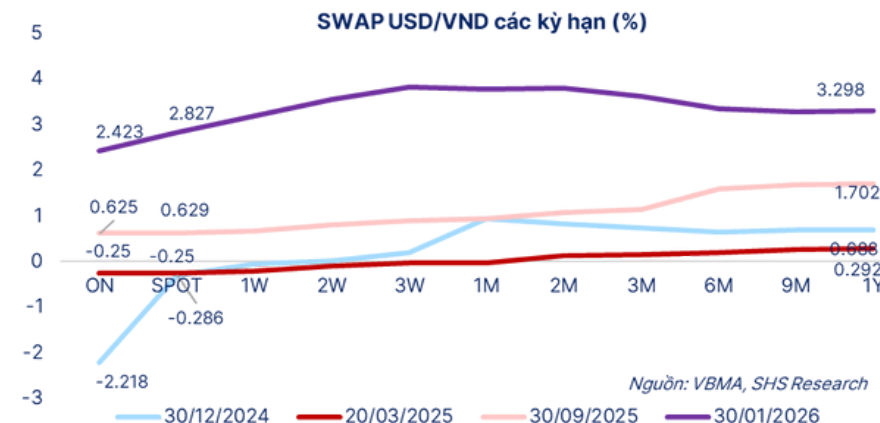
KINH TẾ VĨ MÔ VIỆT NAM



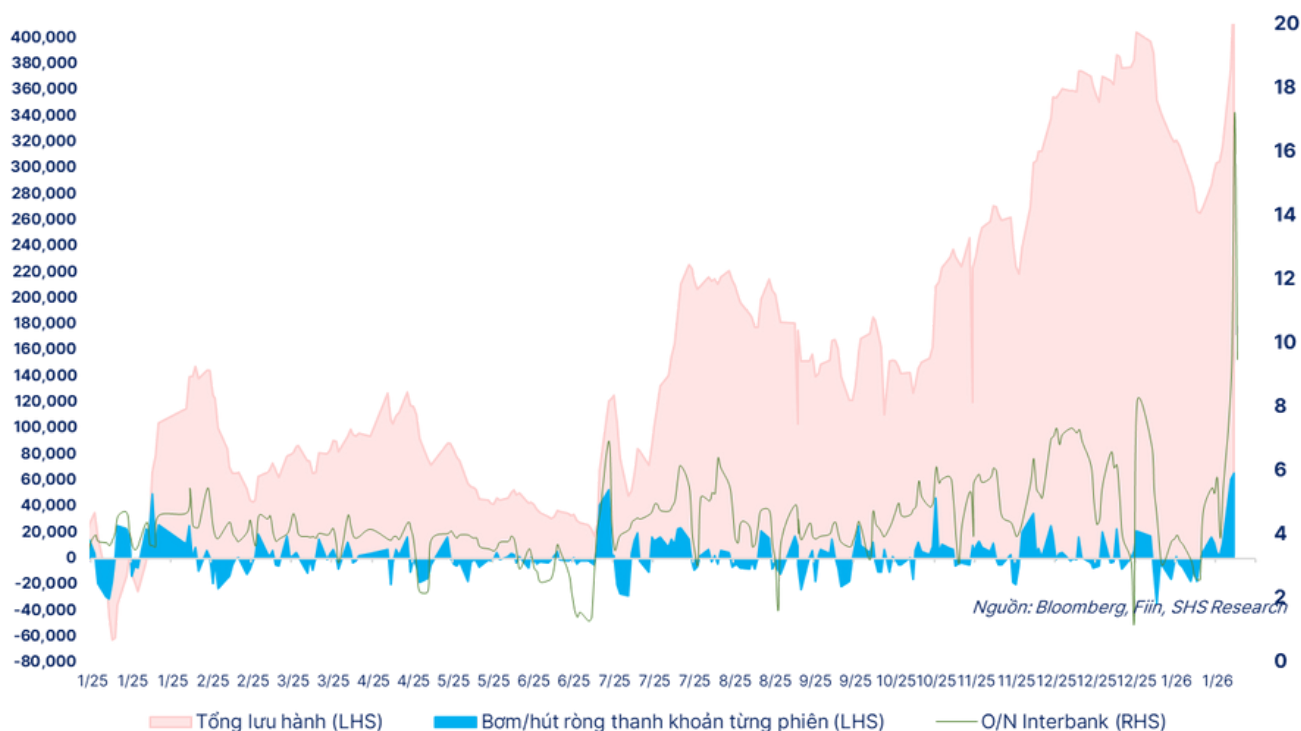
Nổi bật nhất là lãi suất qua đêm liên ngân hàng (O/N interbank) tăng vọt lên mức cao nhất lịch sử; riêng phiên 03/02 có giao dịch được chốt quanh 21%. Sang 04/02, căng thẳng hạ nhiệt phần nào khi NHNN mở lại kênh hoán đổi USD/VND (SBV swap), với chi phí tham chiếu khoảng 1,31% và quy mô khoảng 1 tỷ USD.

Về nguyên nhân, yếu tố nền vẫn là lệch cân đối kỳ hạn (maturity mismatch: nguồn vốn ngắn nhưng nhu cầu sử dụng dài hơn), khiến “đệm dự trữ” của hệ thống mỏng và dễ tổn thương khi gặp cú sốc ngắn hạn. Đúng thời điểm cuối tháng 1, áp lực nộp thuế dồn vào làm tiền rơi hệ thống ngân hàng sang tài khoản Kho bạc tại NHNN. Cùng lúc, mùa vụ trước Tết quay lại khi người dân rút tiền mặt tăng (CIC: tiền mặt lưu thông ngoài ngân hàng tăng), trong khi một số ngân hàng duy trì dự trữ bắt buộc (DTBB) ở mức thấp nên phải “chạy” bổ sung dự trữ do kỳ nghỉ kéo dài vẫn được tính vào kỳ DTBB.

Sau hai phiên hỗ trợ thanh khoản qua thị trường mở (OMO), số dư hành mới hồi về quanh 360 nghìn tỷ VND. Với OMO, quan điểm của người viết là hệ thống đã tiến sát giới hạn, nhưng hai phiên đầu tháng 2 vẫn bơm OMO được là vì (i) lượng OMO lưu hành đã giảm từ khoảng 404 nghìn tỷ VND cuối tháng 1, tạo “dư địa” kỹ thuật; và (ii) lực tham gia chủ yếu đến từ nhóm các ngân hàng lớn do còn đủ giấy tờ có giá để vay OMO và qua đó hỗ trợ lan tỏa thanh khoản sang các ngân hàng nhỏ hơn. Tuy nhiên, đà cầm cự này không kéo dài, nên NHNN vẫn phải mở lại kênh SBV swap sau gần một tháng tạm dừng.

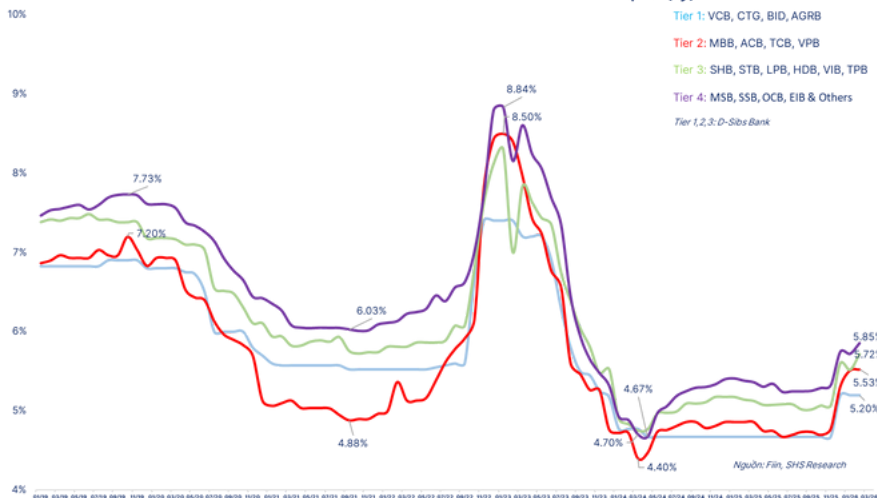


OMO & SBV-Bill: Bơm/Hút ròng thanh khoản từng phiên + Tổng lưu hành (Tỷ Đồng) + O/N Interbank Rate (%)

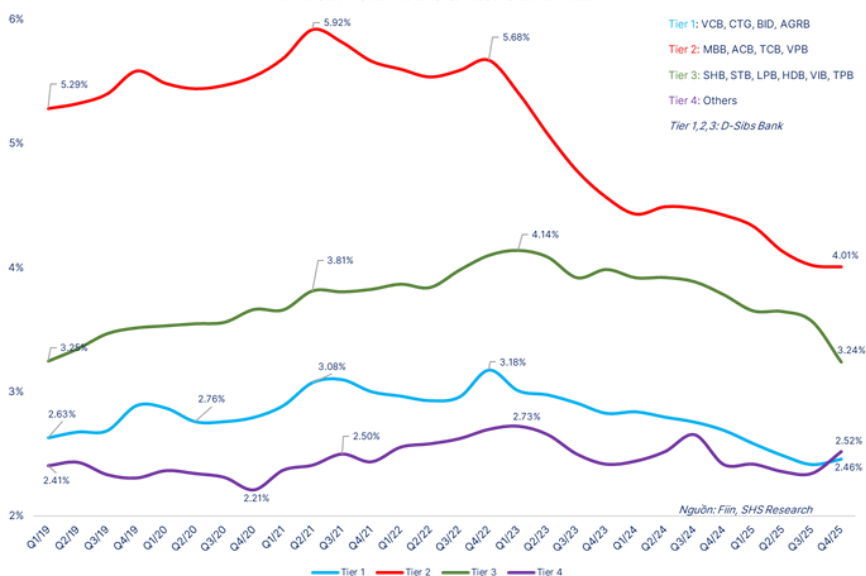


KINH TẾ VĨ MÔ VIỆT NAM

4 NHÓM NGÂN HÀNG & TRUNG BÌNH LÃI SUẤT HUY ĐỘNG (1y)



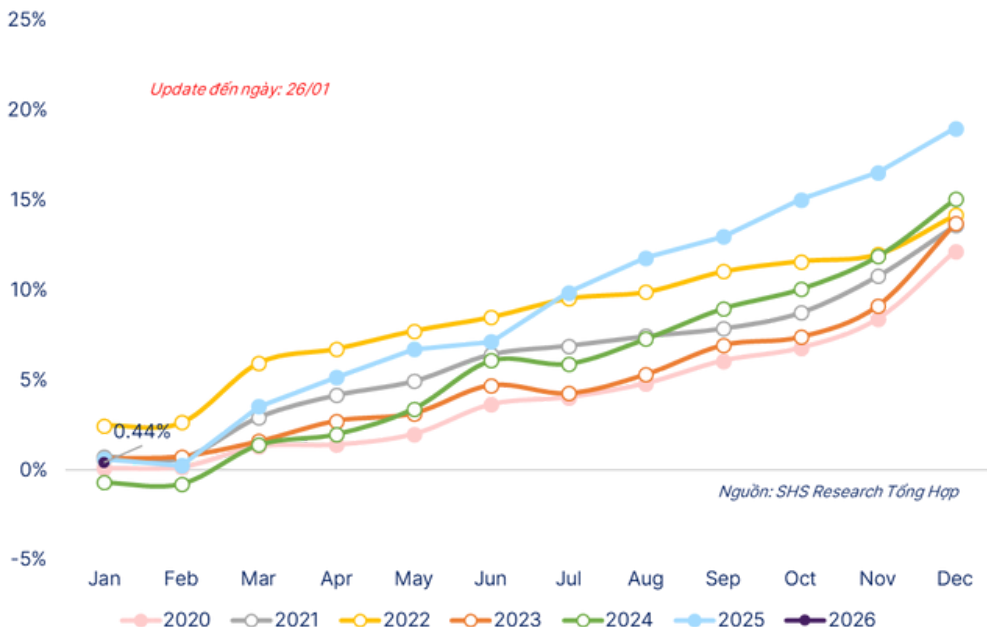
4 NHÓM NGÂN HÀNG & TRUNG BÌNH NIM



Mặt bằng lãi suất huy động tháng 1/2026 nhích lên và phân hóa, lãi suất cũng phản ánh chi phí vốn “không rẻ”: ví dụ VietinBank công bố lãi suất kỳ đầu cho một mã trái phiếu phát hành 20/01/2026 là 6,45%/năm, trong khi một lô trái phiếu doanh nghiệp như BAF có lãi suất cố định 10%/năm. Tính đến thời điểm này, số liệu tăng trưởng tín dụng toàn hệ thống tính đến hết tháng 1/2026 chưa thấy được công bố rộng rãi; một số thống kê địa phương như Hà Nội ghi nhận dư nợ tăng khoảng 0,85% so với cuối 2025).

Về chủ trương “giảm tín dụng bất động sản”, thực tế rất khó làm mạnh và làm lâu. Lý do nằm ở cấu trúc tài sản bảo đảm: phần lớn khoản vay của doanh nghiệp và cá nhân, dù ngắn hay dài, đều cầm cố bằng bất động sản; vì vậy siết tín dụng bất động sản dễ biến thành siết tín dụng toàn hệ thống. Thêm nữa, mảng tín dụng gắn với bất động sản vẫn là nguồn đóng góp quan trọng cho biên lãi ròng (NIM: chênh lệch lãi vay – lãi huy động) của nhiều ngân hàng. Do đó, nếu mục tiêu vẫn là duy trì tăng trưởng cao, kịch bản tín dụng bất động sản giảm sâu và kéo dài thường chỉ xảy ra khi kinh tế buộc phải “hãm phanh” vì rủi ro hệ thống, còn các phương án “đánh giá lại thống kê” để GDP tăng vọt nằm ngoài phạm vi giả định của phần phân tích này.

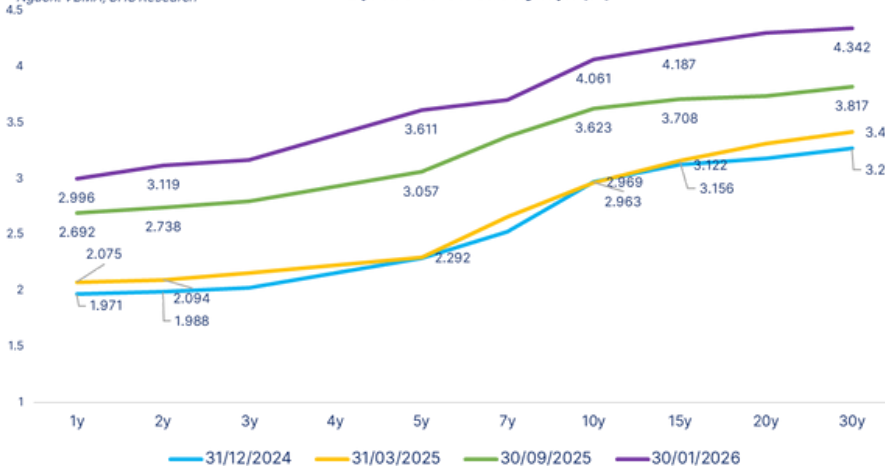
Tăng trưởng tín dụng YTD (2020-2025)



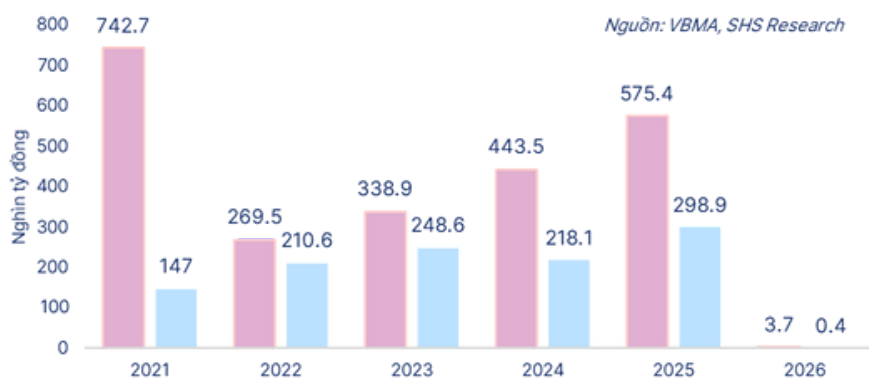
KINH TẾ VĨ MÔ VIỆT NAM

Nguồn: VBMA, SHS Research

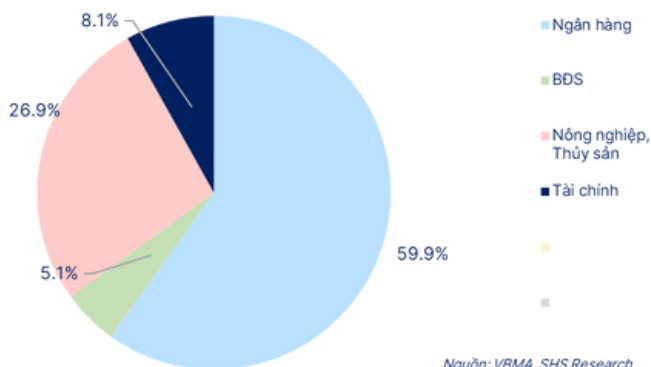
Lợi tức TPCP các kỳ hạn (%)



Giá trị phát hành & mua lại TPDN (Ytđ)



GTPH TPDN theo nhóm ngành Ytđ

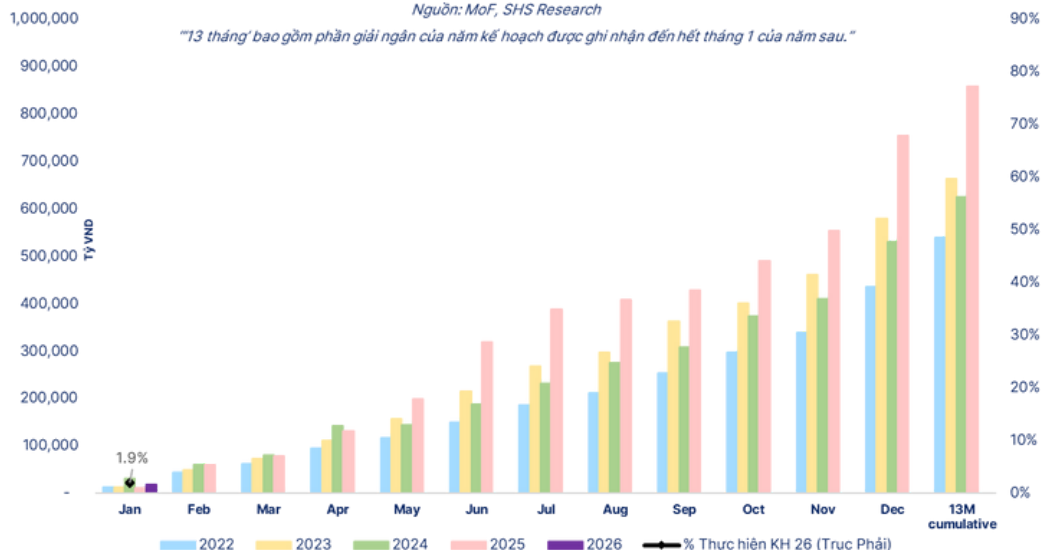


Nguồn: VBMA, SHS Research

Giải ngân vốn đầu tư công (Lũy Kế)

Nguồn: MoF, SHS Research

"13 tháng" bao gồm phần giải ngân của năm kế hoạch được ghi nhận đến hết tháng 1 của năm sau."



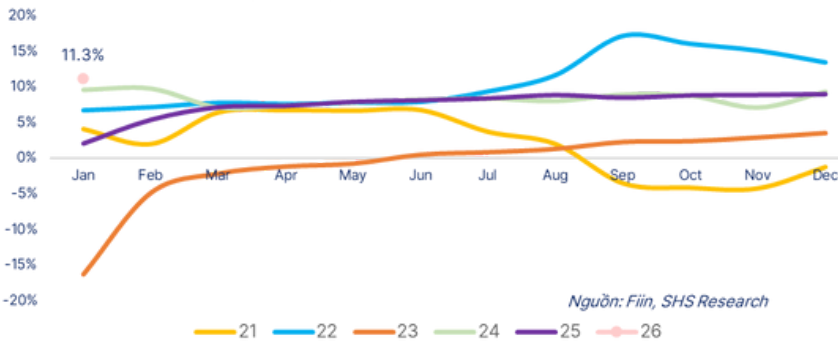
Kế hoạch chi đầu tư phát triển năm 2026 đang đặt ở mức 1.120.227 tỷ đồng; riêng kế hoạch Thủ tướng giao cho đầu tư công năm 2026 là 995.440 tỷ đồng (+8.9% so với kế hoạch 2025).

Trên thị trường trái phiếu, lợi suất TPCP các kỳ hạn từ 10 năm trở lên nhìn chung nhích tăng nhẹ so với cuối năm ngoái; đáng chú ý là nhóm kỳ hạn ngắn dưới 5 năm tăng tương đối rõ hơn. Diễn biến này xảy ra trong bối cảnh nhà điều hành chưa cho thấy động thái "nắn" lại đường cong lợi suất bằng cách đẩy mạnh phát hành kỳ hạn ngắn như định hướng trước đó. Quan sát sâu hơn, lượng phát hành trong tháng 1 cũng thấp hơn đáng kể so với cùng kỳ năm ngoái.

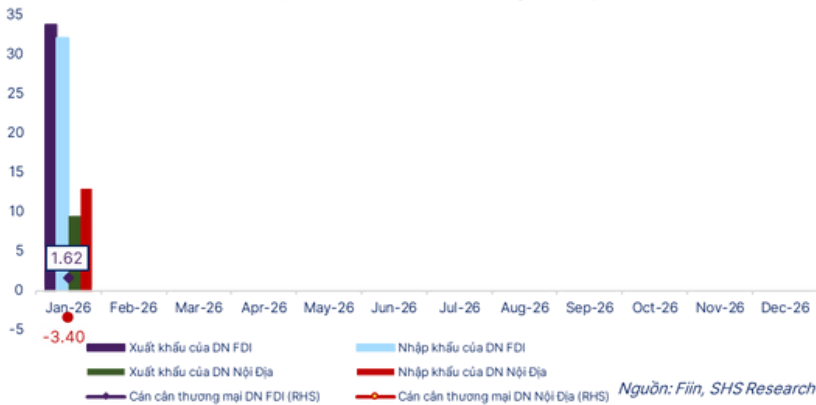
Với tiền gửi của Kho bạc Nhà nước (KBNN) tại nhóm Big4, sau khi nâng trần từ 50% lên 60% trong khuôn khổ Ngân quỹ Nhà nước, đầu tháng 2, trước căng thẳng thanh khoản, KBNN đã nhanh chóng đấu thầu gửi thêm tiền để hỗ trợ hệ thống và hiện ước tính đã tiệm cận vùng "kịch trần". Đây cũng là một mảnh ghép quan trọng để lý giải vì sao nhà điều hành vẫn phải mở lại công cụ Swap dù tác động hỗ trợ từ kênh KBNN là rất lớn và về cơ bản đã vận dụng khá nhiều dư địa trong "khung" của họ.

KINH TẾ VĨ MÔ VIỆT NAM

Tăng Trưởng vốn thực hiện FDI (Lũy Kế YoY)



Xuất nhập khẩu và Cán cân thương mại (Tỷ USD)



Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài trong tháng 1 có hai mặt: tổng vốn đăng ký 2,58 tỷ USD giảm 40,6%, nhưng vốn thực hiện 1,68 tỷ USD lại tăng 11,3%. Điểm cần nhấn mạnh là phần “giảm” chủ yếu đến từ vốn điều chỉnh và góp vốn mua cổ phần giảm mạnh; trong khi vốn đăng ký mới vẫn tăng với 349 dự án và 1,49 tỷ USD. Về chất lượng dòng tiền, vốn thực hiện tập trung chủ yếu ở công nghiệp chế biến chế tạo (chiếm 82,5%, tương ứng 1,39 tỷ USD). Số đăng ký tháng 1 dễ “nhiều” vì phụ thuộc vài thương vụ tăng vốn lớn; còn vốn thực hiện và số dự án mới mới là chỉ báo bền hơn cho niềm tin và nhịp triển khai sản xuất

Ngoại thương tháng 1 chuyển sang nhập siêu 1,78 tỷ USD (xuất khẩu 43,19; nhập khẩu 44,97 tỷ USD). Điều đáng chú ý là khu vực kinh tế trong nước nhập siêu 3,4 tỷ, trong khi khu vực có vốn đầu tư nước ngoài xuất siêu 1,62 tỷ; tức “đầu kéo” xuất khẩu vẫn nghiêng về khối doanh nghiệp có vốn nước ngoài. Cơ cấu nhập khẩu cho thấy 94% là tư liệu sản xuất, gợi ý phần nhập siêu nhiều khả năng phản ánh nhu cầu nguyên vật liệu, máy móc cho nhịp sản xuất đầu năm hơn là “cầu tiêu dùng” thuần túy. Nhìn chung, nhập siêu đầu năm có thể chỉ là nhịp mùa vụ, nhưng nếu khu vực trong nước tiếp tục nhập siêu lớn trong các tháng tới, áp lực lên tỷ giá và thanh khoản ngoại tệ sẽ đáng theo dõi sát hơn (dù các dòng tiền như giải ngân vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vẫn đang là điểm tựa).

Ở góc độ doanh nghiệp, số thành lập mới gần 24,2 nghìn và số quay lại hoạt động hơn 24,5 nghìn đều tăng mạnh, nhưng số doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường vẫn lớn (66,2 nghìn). Sự thực là nền kinh tế đang “kéo” được sản xuất đi lên, nhưng sức chịu đựng của khu vực doanh nghiệp nhỏ vẫn mỏng; độ rộng phục hồi chưa thật sự đồng đều.

Thống Kê (Nguồn: GSO, VBMA, SHS...)	Jan-26
IIP (YoY)	21.5%
Số doanh nghiệp thành lập (YoY)	126.8%
Số doanh nghiệp quay trở lại hoạt động (YoY)	5.0%
Số doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh (YoY)	2.8%
Số doanh nghiệp ngừng hoạt động chờ giải thể (YoY)	109.1%
Số doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể (YoY)	128.1%
Lượt khách quốc tế đến Việt Nam (YoY)	21.4%
Tăng trưởng lũy kế Tổng Thu NSNN (YoY)	20.4%
Tăng trưởng lũy kế Tổng Chi NSNN (YoY)	6.4%
Tăng trưởng tín dụng (% YTD) Tính đến 26/01	0.44%
Tăng trưởng huy động (% YTD) Tính đến 26/01	-0.24%
Tăng trưởng cung tiền M2 (% YTD)	
Lãi suất tái cấp vốn (%)	4.5%
Lãi suất tái chiết khấu (%)	3.0%

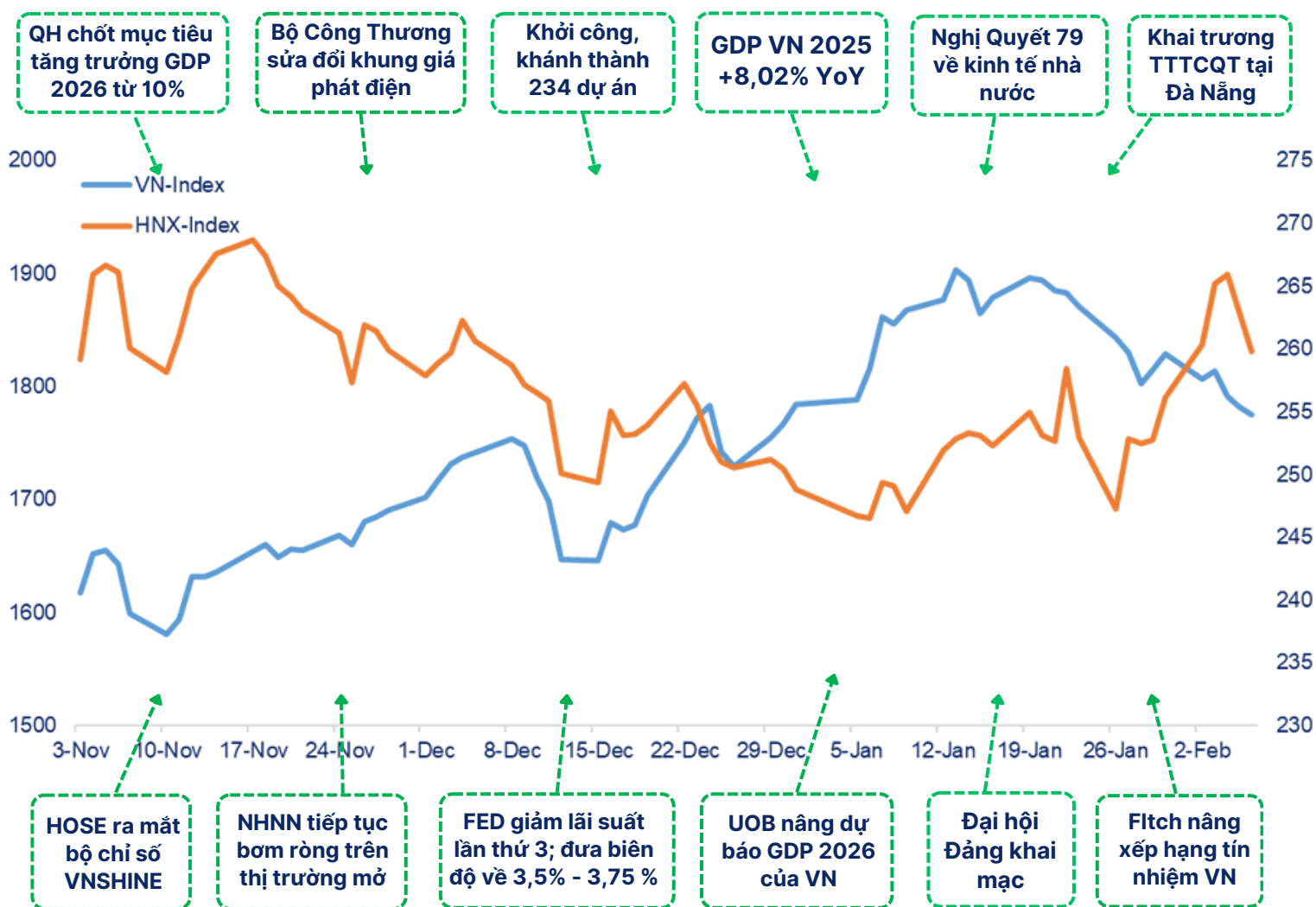


TỔNG QUAN TTCK THÁNG 01

(Trở về trang mục lục)

TỔNG QUAN TTCK THÁNG 01/2026

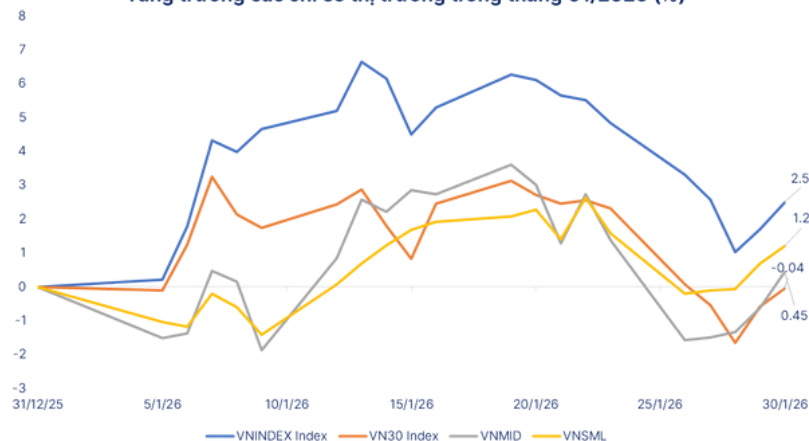
([Trở về trang mục lục](#))



- Tiếp xu hướng tăng điểm trong năm 2025, chỉ số VNINDEX duy trì tăng điểm trong tháng 1/2026. Thị trường kết thúc tháng 1/2026 với VNINDEX ở mức 1829,04 điểm, tăng 2,50%, khối lượng giao dịch khớp lệnh tăng 32,74% so với tháng 12/2025, trung bình khoảng 820tr/phiên. Trong tháng 1/2026, VNINDEX vượt lên vùng giá cao nhất năm 2025, hướng đến vùng giá 1.910 điểm -1.920 điểm. VNINDEX sau đó điều chỉnh kiểm định lại vùng giá 1.800 điểm và phục hồi trên vùng giá cao nhất năm 2025.
- Diễn biến thị trường, VNINDEX trong tháng 01/2026 là khá tích cực ở hầu hết các nhóm ngành. Nổi bật nhất là nhóm cổ phiếu năng lượng, công nghệ-viễn thông, khai khoáng-kim loại quý, khu công nghiệp-cao su, bán lẻ-tiêu dùng... Ngoại trừ diễn biến kém tích cực của nhóm bất động sản dưới áp lực điều chỉnh của VinGroup. Thị trường đầu năm 2026 chuyển dòng dẫn dắt sang các doanh nghiệp đầu ngành Nhà nước với những động lực kỳ vọng từ Nghị quyết 79-NQ/TW của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế nhà nước. Đây cũng là điều mà chúng tôi đã nhận định trong các báo cáo hàng ngày/tuần.
- Kết thúc tháng 01/2026, Tổng vốn hóa toàn thị trường khoảng 420+-tỉ USD_82%+-/GDP 2025. Vốn hóa VN30 236+- tỉ USD_56% vốn hóa thị trường. Các thông số định giá cơ bản khác P/E: 15,97, P/B: 2,11, P/S: 1,76. Đây không phải vùng định giá quá hấp dẫn của thị trường chung. Điểm tích cực là sau năm 2025 chỉ số tăng điểm dưới ảnh hưởng chính của nhóm VinGroup. Đầu năm 2026 độ rộng thị trường đã tích cực hơn khi các doanh nghiệp ở nhiều nhóm ngành tiếp tục có kết quả kinh doanh quý IV/2025 tăng trưởng tốt, qua đó kết quả kinh doanh năm 2025 tăng trưởng mạnh so với 2024.

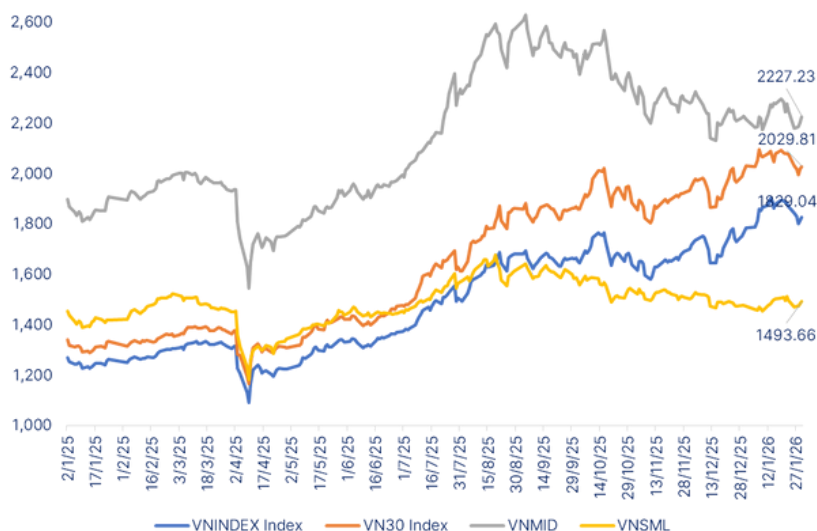
TỔNG QUAN TTCK THÁNG 1/2026

Tăng trưởng các chỉ số thị trường trong tháng 01/2026 (%)



Trong tháng 01/2026, tuần đầu tháng VNINDEX tăng điểm mạnh vượt vùng giá 1.800 điểm. VNINDEX hướng đến 1.910 điểm -1.920 điểm trong 02 tuần tiếp theo và tạo vùng đỉnh ngắn hạn, điều chỉnh về vùng giá 1.800 điểm, dưới ảnh hưởng của nhóm VinGroup. VNINDEX kết thúc tháng 01 ở mức 1.829,04 điểm, duy trì tăng 2,50% so với tháng 12/2025.

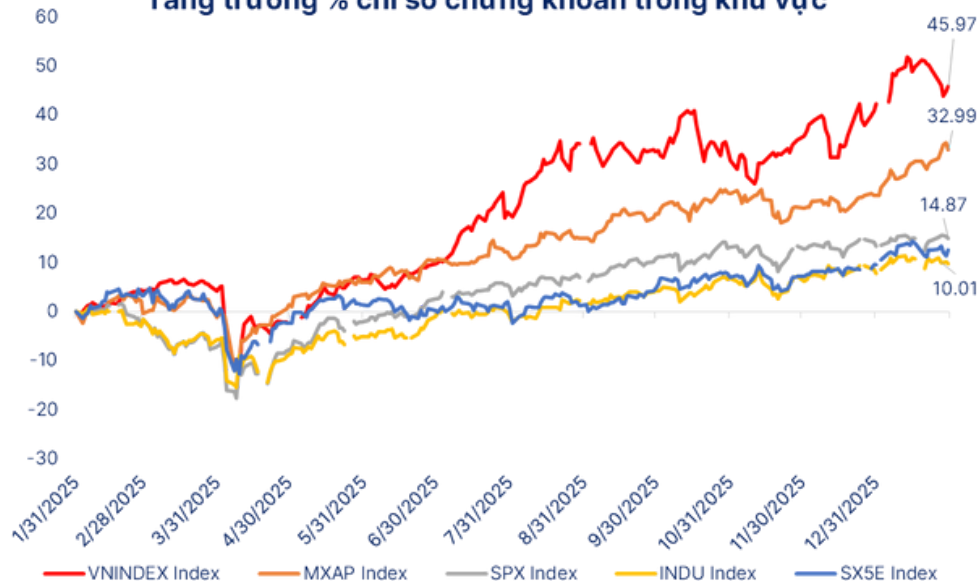
Diễn biến TTCK Việt Nam trong năm 2025-2026



Diễn biến tích cực nhất là các cổ phiếu đầu ngành trong nhóm Năng lượng, Viễn thông, Khu công nghiệp-cao su, Khai khoáng-kim loại quý, Bán lẻ-tiêu dùng, Bảo hiểm... Tuy nhiên chỉ số VN30 (-0,05% MoM) giảm điểm dưới ảnh hưởng tiêu cực từ nhóm cổ phiếu VinGroup. Trong khi đó tích cực nhất là nhóm vốn hóa nhỏ với VNSML (+1,20% MoM) và vốn hóa trung bình VNMIID (+0,45% MoM).

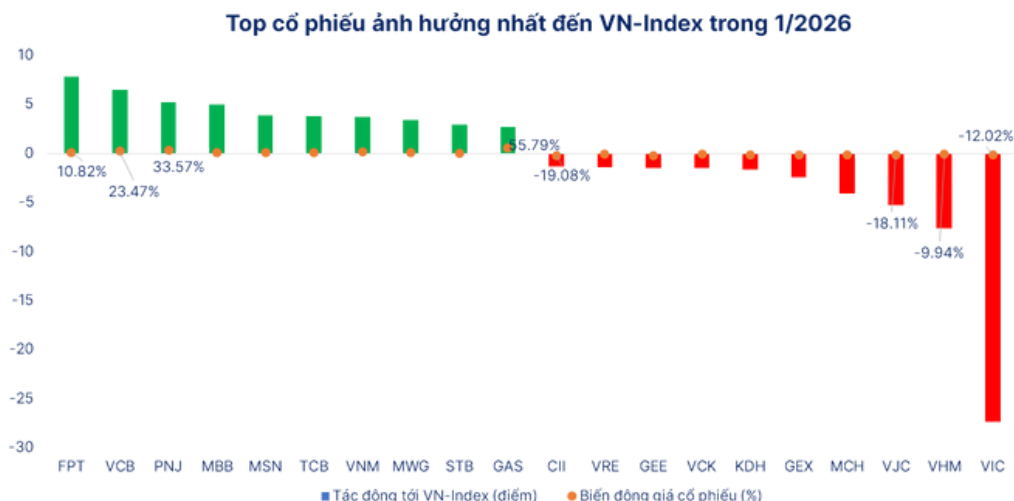
Mặc dù chịu áp lực điều chỉnh trong cuối tháng 1/2026, VNINDEX có diễn biến tăng giá khá tích cực so với các thị trường khác trong khu vực và chỉ thua kém về hiệu suất đối với thị trường Malaysia.

Tăng trưởng % chỉ số chứng khoán trong khu vực



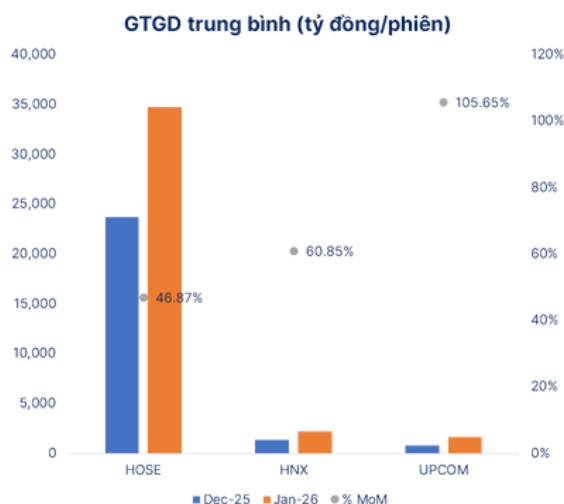
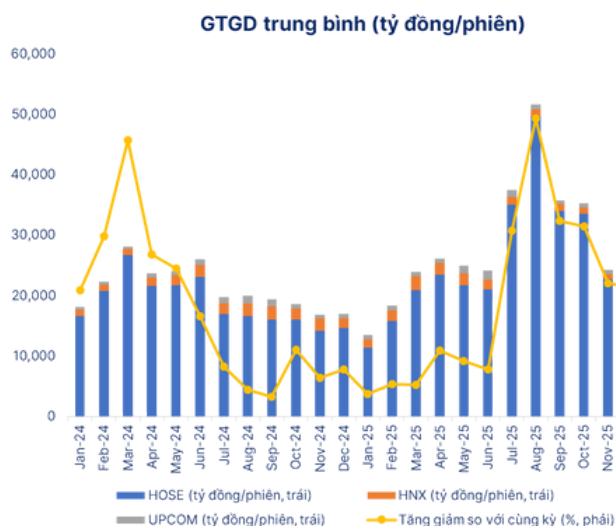
TỔNG QUAN TTCK THÁNG 01/2026

- Ảnh hưởng tích cực lên VNINDEX trong tháng 01 là các cổ phiếu hàng đầu trong nhóm công nghệ với FPT(+10,82% MoM), bán lẻ-tiêu dùng với PNJ (+33,57% MoM), MSN (+11,26% MoM), VNM (+13,69% MoM)... các cổ phiếu ngân hàng với VCB (+23,47% MoM), MBB (+9,46% MoM), TCB, STB, ngoài ra nổi bật với GAS (+55,79% MoM) đại diện cho nhóm năng lượng và nhóm cổ phiếu có tỉ lệ sở hữu Nhà nước cao, trên 90%.
- Ở chiều ngược lại, nhóm cổ phiếu VinGroup với VIC (-10,02% MoM), VHM (-9,94% MoM), VRE (-9,04% MoM), nhóm cổ phiếu hàng không với VJC (-18,11% MoM), nhóm Gelex với GEX (-16,59% MoM), GEE (-21,66% MoM).... chịu áp lực điều chỉnh mạnh sau giai đoạn tăng giá đột biến trong năm 2025 là áp lực tiêu cực lên chỉ số VNINDEX.



Nguồn: Fiingroup, SHS Research

- Sau giai đoạn thanh khoản suy giảm và bắt đầu cải thiện trong tháng 12/2025. Thanh khoản thị trường đã tăng mạnh trong tháng 1/2026. Trong tháng 01/2026, giá trị giao dịch trung bình toàn thị trường đạt 38.643 tỷ đồng/phiên, tăng mạnh 49,45% so với tháng 12/2025. Trên HOSE giá trị giao dịch trung bình đạt 34.768 tỷ đồng/phiên (+46,87% MoM), với trung bình 820 triệu cổ phiếu/phiên. Khối lượng giao dịch khớp lệnh vẫn dưới mức trung bình năm 2025, thể hiện trong tháng 1/2026 thị trường vẫn chủ yếu giao dịch đột biến ở nhóm vốn hóa lớn.
- Thanh khoản trên HNX (+60,85% MoM) ới giá trị trung bình 2.221 tỷ đồng/phiên. Tăng trở lại sau 04 tháng suy giảm dưới ảnh hưởng giao dịch tích cực của nhóm cổ phiếu năng lượng. Trong khi trên UPCOM (+105,65% MoM), thanh khoản tăng tháng thứ 3 liên tiếp, với giá trị trung bình 1.654 tỷ đồng/phiên. Phản ánh hoạt động giao dịch sôi động của nhóm cổ phiếu Viettel và các cổ phiếu khoáng sản.

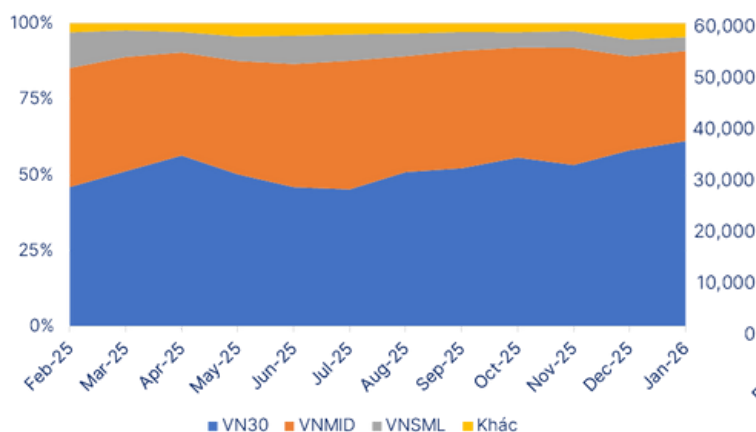


Nguồn: Fiingroup, SHS Research

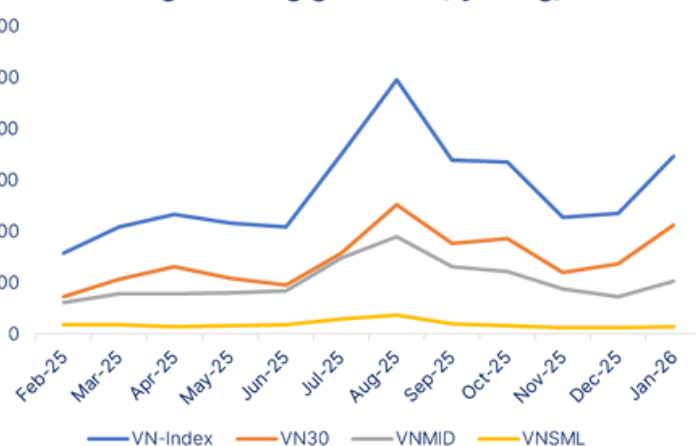
TỔNG QUAN TTCK THÁNG 01/2026

- Trong tháng 01/2026, nhóm vốn hóa lớn VN30 có giá trị giao dịch trung bình 21.275 tỷ đồng/phiên (+54,50% MoM). Với ảnh hưởng tích cực của nhóm cổ phiếu Nhà nước và nhóm bán lẻ-tiêu dùng. Ở nhóm vốn hóa trung bình VN MID (+10,34% MoM) thanh khoản tăng trở lại sau 02 tháng suy giảm với giá trị giao dịch trung bình 10.342 tỷ đồng/phiên. Trong khi nhóm vốn hóa nhỏ VNSML (+20,68% MoM) thanh khoản tăng tháng thứ 2 liên tiếp với giá trị giao dịch trung bình 1.579 tỷ đồng/phiên.
- Tỷ trọng giao dịch VN30 tiếp tục tăng mạnh lên mức 61,19%. Đây là mức rất cao, thể hiện dòng tiền vẫn chủ yếu tập trung và gia tăng giao dịch ở các cổ phiếu đầu ngành, vốn hóa lớn. Tỷ trọng nhóm VN MID giảm về còn 29,75% tỷ trọng giao dịch thị trường, mức thấp kỷ lục trong nhiều năm và nhóm cổ phiếu vốn hóa nhỏ VNSML với tỷ trọng 4,54%.

Tỷ trọng giá trị giao dịch bình quân trên VN-Index



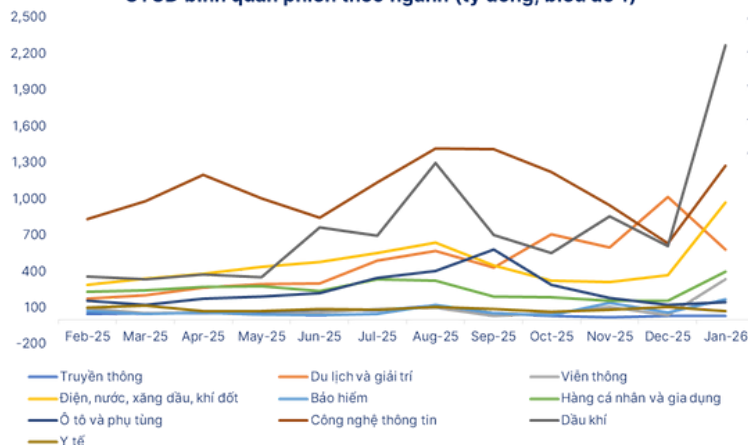
Giá trị giao dịch bình quân phiên trong 12 tháng gần nhất (tỷ đồng)



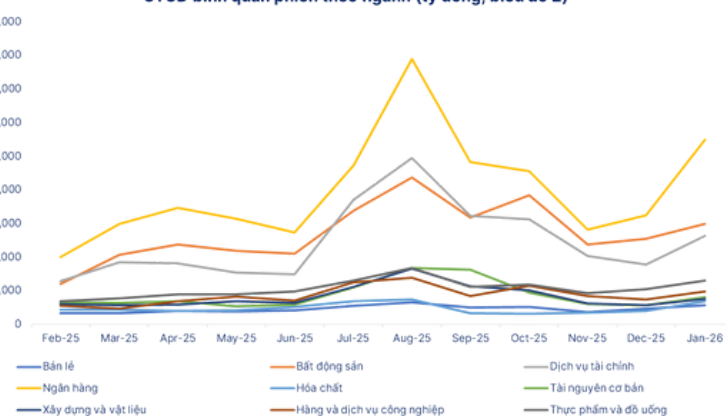
Nguồn: Fiingroup, SHS Research

- Với thanh khoản thị trường tăng mạnh trong tháng 1/2026. Các nhóm ngành tăng mạnh là Viễn thông (+737,9% MoM), Dầu khí (+273,2% MoM), Bảo hiểm (+168,1% MoM), Điện nước, xăng dầu, khí đốt (+160,7% MoM).... Thanh khoản tăng mạnh kèm xu hướng giá tăng tích cực cho thấy dòng tiền gia tăng khá đột biến.
- Ở chiều ngược lại chỉ có 03 ngành thanh khoản suy giảm là Du lịch và giải trí (-42,7% MoM). Phản ánh áp lực bán, điều chỉnh tương đối bình thường ở các cổ phiếu hàng không khi giá giảm, thanh khoản giảm và nhóm Y tế (-33,9% MoM), Truyền thông (-4,4% MoM).

GTGD bình quân phiên theo ngành (tỷ đồng, biểu đồ 1)



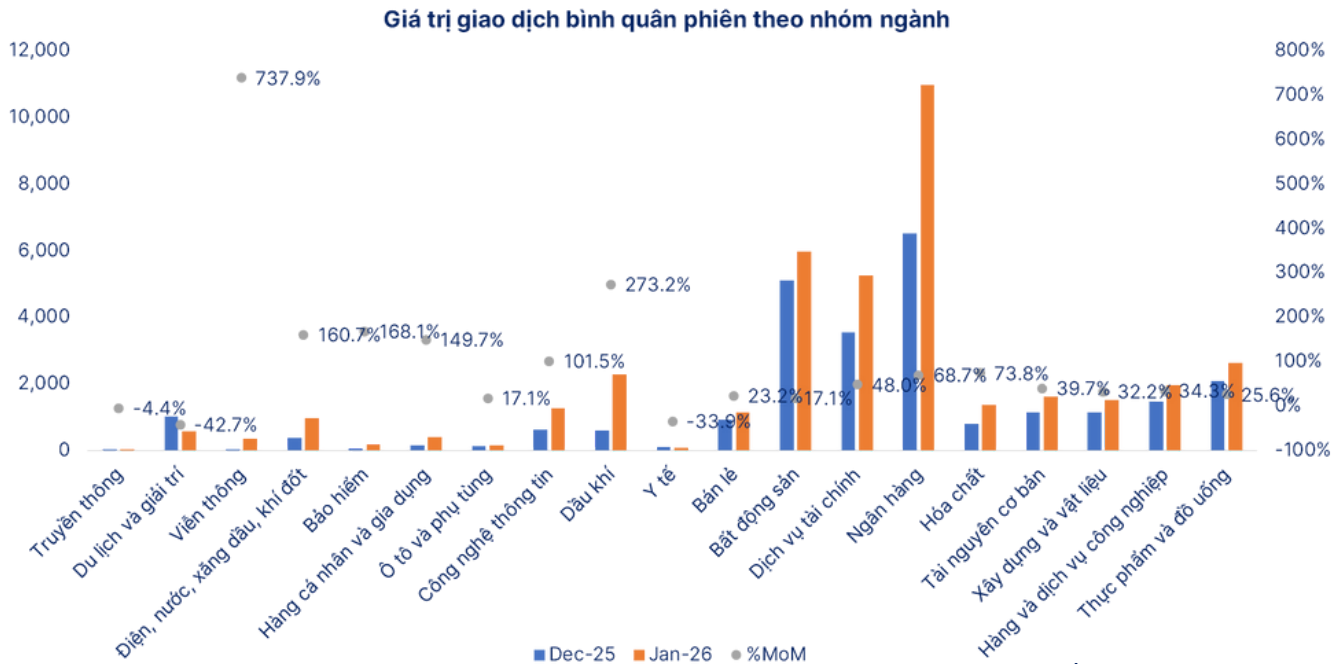
GTGD bình quân phiên theo ngành (tỷ đồng, biểu đồ 2)



Nguồn: Fiingroup, SHS Research

TỔNG QUAN TTCK THÁNG 01/2026

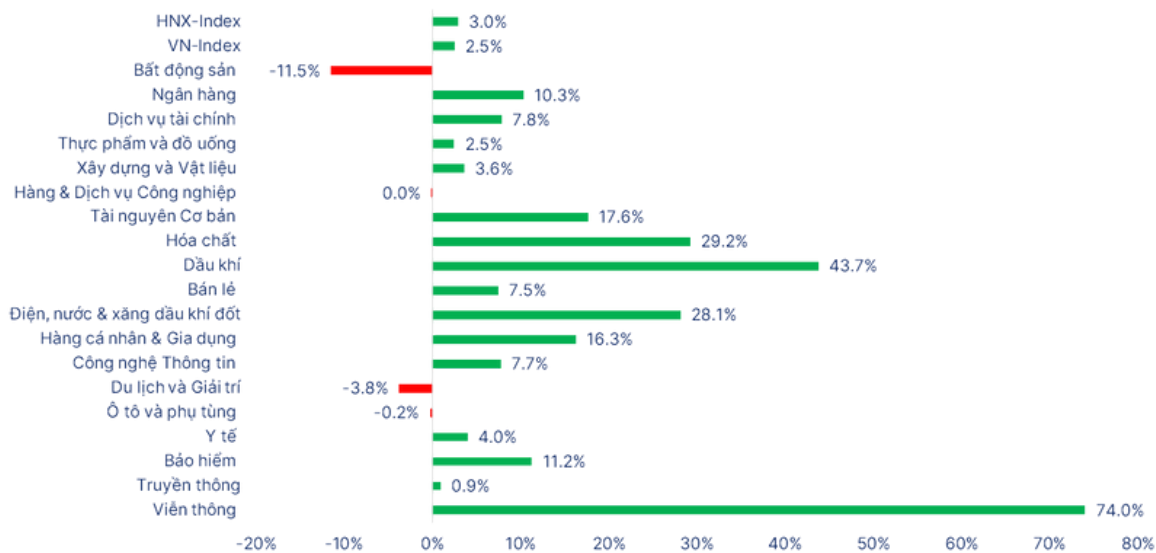
- Ngân hàng, Bất động sản, Dịch vụ tài chính tiếp tục là 03 nhóm ngành có giá trị giao dịch bình quân cao nhất thị trường. Trong đó Ngân hàng với giá trị bình quân 10.972 tỷ đồng/phiên, tăng mạnh +68,7% so với tháng 12/2025. Bất động sản giá trị giao dịch bình quân 5.963 tỷ đồng/phiên (+17,1% MoM). Dịch vụ tài chính 5.247 tỷ đồng/phiên (+48,0% MoM) với mức tăng giá mạnh sau khi giảm tháng thứ 4 liên tiếp.
- Giá trị giao dịch trung bình nhóm Dịch vụ tài chính tiếp tục thấp hơn nhóm Bất động sản, phản ánh tính chất đầu cơ, kỳ vọng tiếp tục giảm trên thị trường.



Nguồn: Fiingroup, SHS Research

- Trong tháng 01/2026 thị trường phân hóa tích cực với độ rộng các nhóm ngành cải thiện. Giao dịch tập trung nhiều ở các cổ phiếu đầu ngành, thanh khoản cao. Tăng giá nổi bật ở nhóm Viễn thông (+74,0% MoM), Dầu khí (+43,7% MoM), Hóa chất (+29,2% MoM), Điện, nước & xăng dầu khí đốt (+28,1% MoM)... Nhiều nhóm ngành giao dịch với thanh khoản gia tăng đột biến.
- Ở chiều ngược lại, số ít ngành giảm điểm là Bất động sản (-11,5% MoM) dưới tác động giảm điểm của các cổ phiếu VinGroup sau năm 2025 tăng mạnh, Du lịch giải trí (-3,8% MoM), Ô tô và phụ tùng (-0,2% MoM).

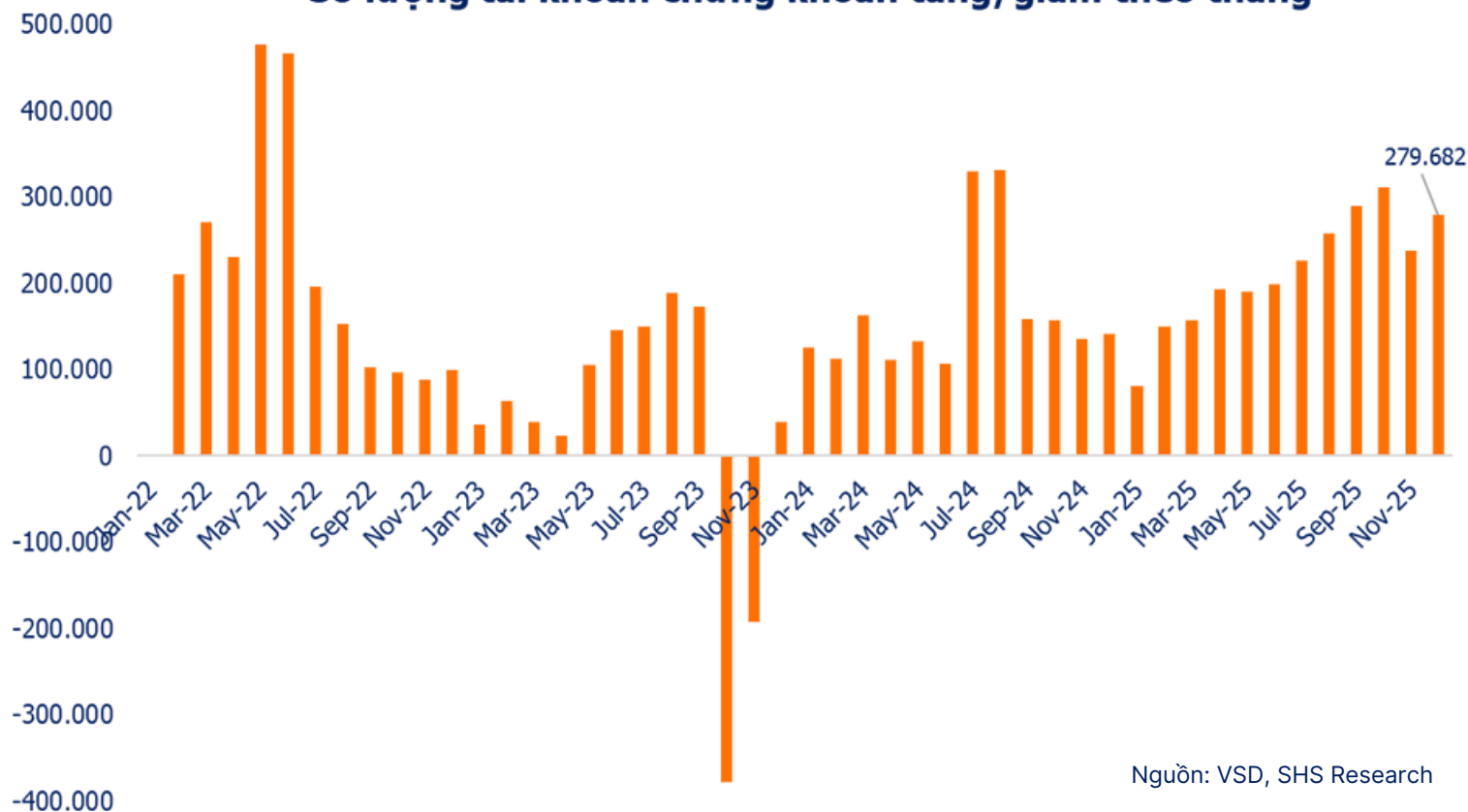
Tăng/giảm các nhóm ngành và chỉ số thị trường trong tháng 01/2026



Nguồn: Fiingroup, SHS Research

TỔNG QUAN TTCK THÁNG 01/2026

Số lượng tài khoản chứng khoán tăng/giảm theo tháng

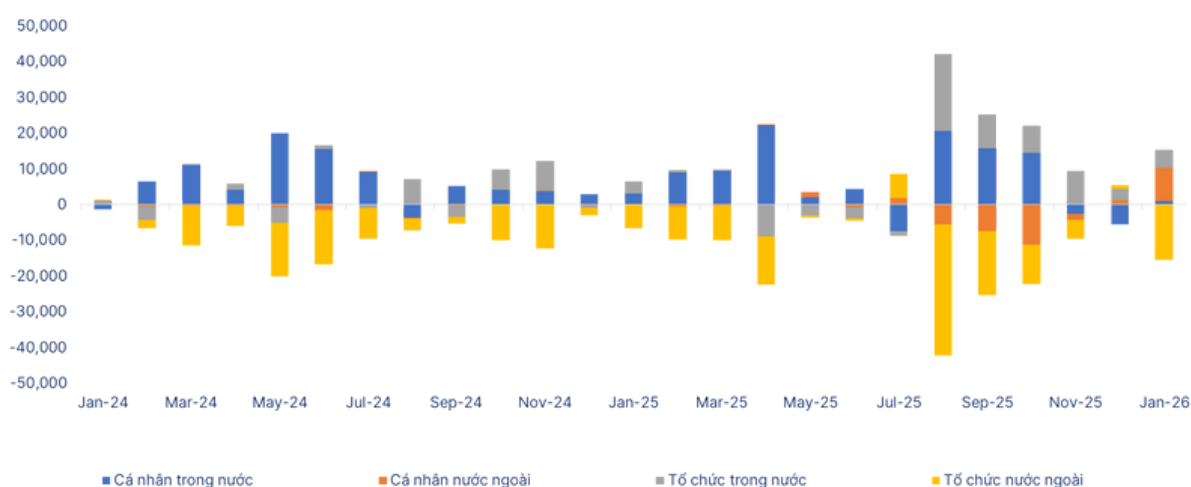


- Số lượng tài khoản chứng khoán tăng thêm trong tháng 12/2025 đạt 279.682 tài khoản, tăng 17,8% so với tháng trước, tăng mạnh 98,5% YoY. Tổng số lượng tài khoản chứng khoán tính đến cuối tháng 12/2025 đạt hơn 11,8 triệu tài khoản, trong đó nhà đầu tư cá nhân đạt hơn 11,5 triệu tài khoản còn lại là nhà đầu tư tổ chức.
- Lũy kế 2025, thị trường có thêm hơn 2,5 triệu tài khoản.

TỔNG QUAN TTCK THÁNG 01/2026

- Trong tháng 01/2026 tổ chức nước ngoài gia tăng bán ròng mạnh với giá trị -15.342 tỷ đồng trên HOSE. Cần theo dõi thêm xu hướng mua bán ròng của khối ngoại khi tháng 3/2026 là thời điểm nâng hạng thị trường. Trong khi đó Nhà đầu tư cá nhân nước ngoài mua ròng khá tốt trong tháng 01 với giá trị 9.412 tỷ đồng, mua ròng tháng thứ 2 liên tiếp.
- Nhà đầu tư tổ chức trong nước gia tăng mua ròng tháng thứ 6 liên tiếp, với giá trị 4.939 tỷ đồng trong tháng 01, đối ứng áp lực bán ròng của nhà đầu tư tổ chức nước ngoài.
- Trong khi đó, nhà đầu tư cá nhân trong nước sau 02 tháng bán ròng mạnh, đã mua ròng nhẹ trở lại trong tháng 1/2026 với giá trị 989,8 tỷ đồng. Dòng tiền mua ròng mạnh của nhà đầu tư trong nước, đối ứng áp lực bán ròng của khối ngoại tiếp tục là động lực lớn của thị trường trong tháng đầu năm 2026.

Giá trị giao dịch ròng trên HOSE theo loại nhà đầu tư (tỷ đồng)

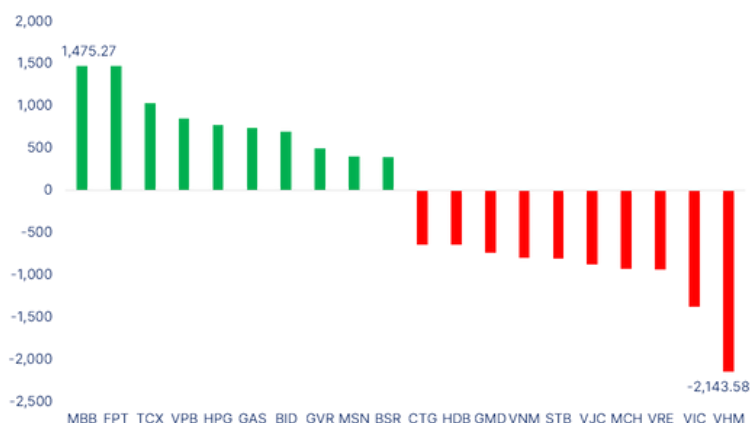


- Trên HOSE, khối ngoại tăng quy mô bán ròng trong tháng 1/2026 với giá trị 5.930 tỷ đồng. Tỷ lệ sở hữu khối ngoại giảm về mức 14,68%.
- Trên HOSE, trong tháng 01 khối ngoại bán ròng mạnh VHM (-2.144 tỷ đồng), tiếp đến là VIC (-1.375 tỷ đồng), VRE (-933,6 tỷ đồng), MCH (-927,3 tỷ đồng), VJC (-873,2 tỷ đồng)... Ngược lại, khối ngoại mua ròng MBB (+1.745 tỷ đồng), tiếp tục mua ròng FPT (+1.473 tỷ đồng), TCX (+1.030 tỷ đồng), VPB (+854,6 tỷ đồng)...

Giá trị mua/bán ròng của nhà đầu tư nước ngoài trên HOSE theo tháng từ 2024 (tỷ đồng)



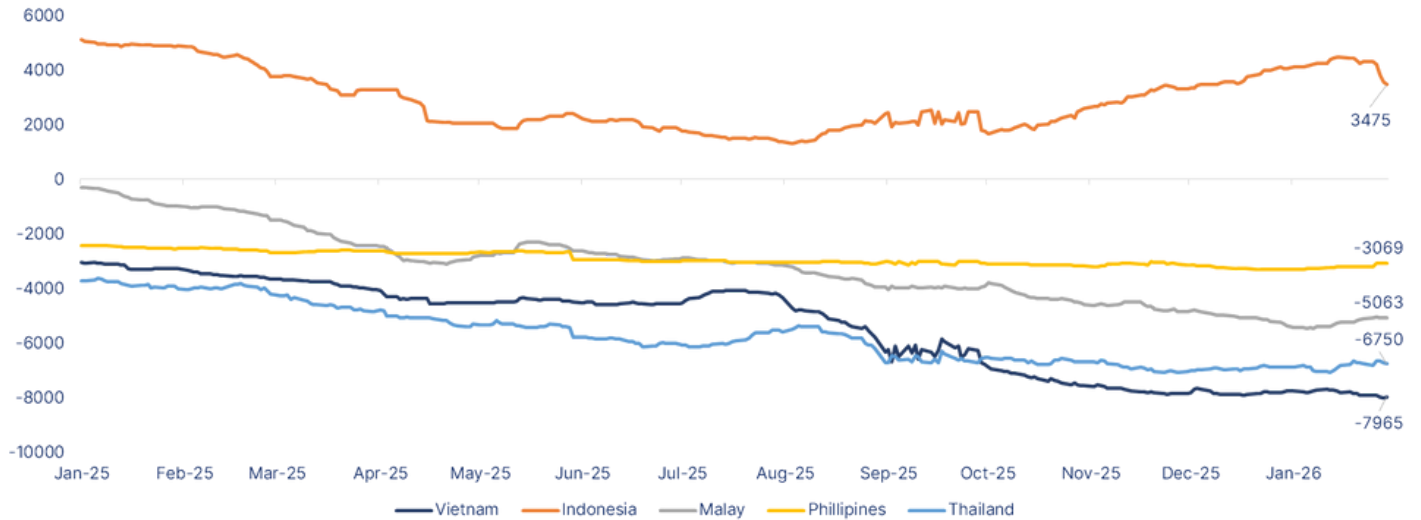
Các mã được NĐTNN mua/bán ròng nhiều nhất trên HOSE trong tháng 01/2026 (tỷ đồng)



TỔNG QUAN TTCK THÁNG 01/2026

- Với một số thị trường khác trong khu vực, khối ngoại bán ròng mạnh ở thị trường Indonesia (-589 triệu USD). Trong khi mua ròng Malaysia (+291 triệu USD), Philippines (+226 triệu USD), Thái Lan (+121 triệu USD) trong tháng 01/2026

Lũy kế giao dịch cổ phiếu khối ngoại 1Y



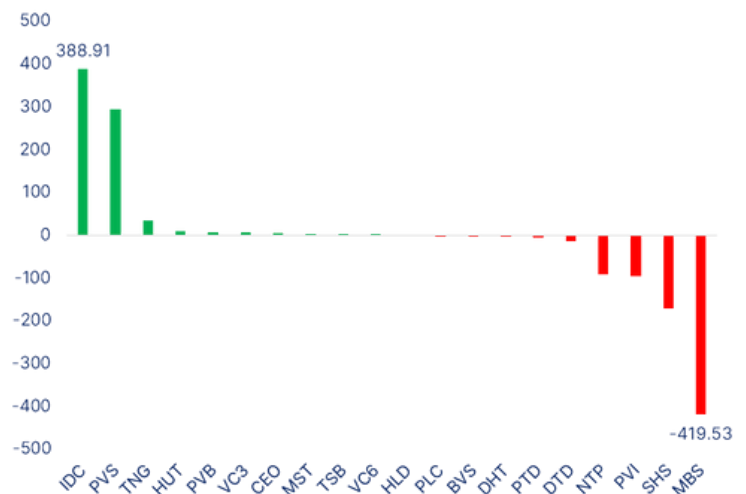
Nguồn: Fiingroup, SHS Research

- Tại HNX, khối ngoại vẫn bán ròng tháng thứ 5 liên tiếp, qui mô bán ròng giảm với giá trị -87,1 tỷ đồng trong tháng 01/2026.
- Trong đó bán ròng mạnh MBS (-419,5 tỷ đồng), tiếp tục bán ròng SHS (-170,1 tỷ đồng), PVI (-96,17 tỷ đồng), NTP (-91,8 tỷ đồng)... Ở chiều ngược lại, khối ngoại tiếp tục mua ròng IDC (+388,1 tỷ đồng) PVS (+294,4 tỷ đồng), TNG (+33,4 tỷ đồng)...

Giá trị mua/bán ròng của nhà đầu tư nước ngoài trên HNX theo tháng từ 2024 (tỷ đồng)



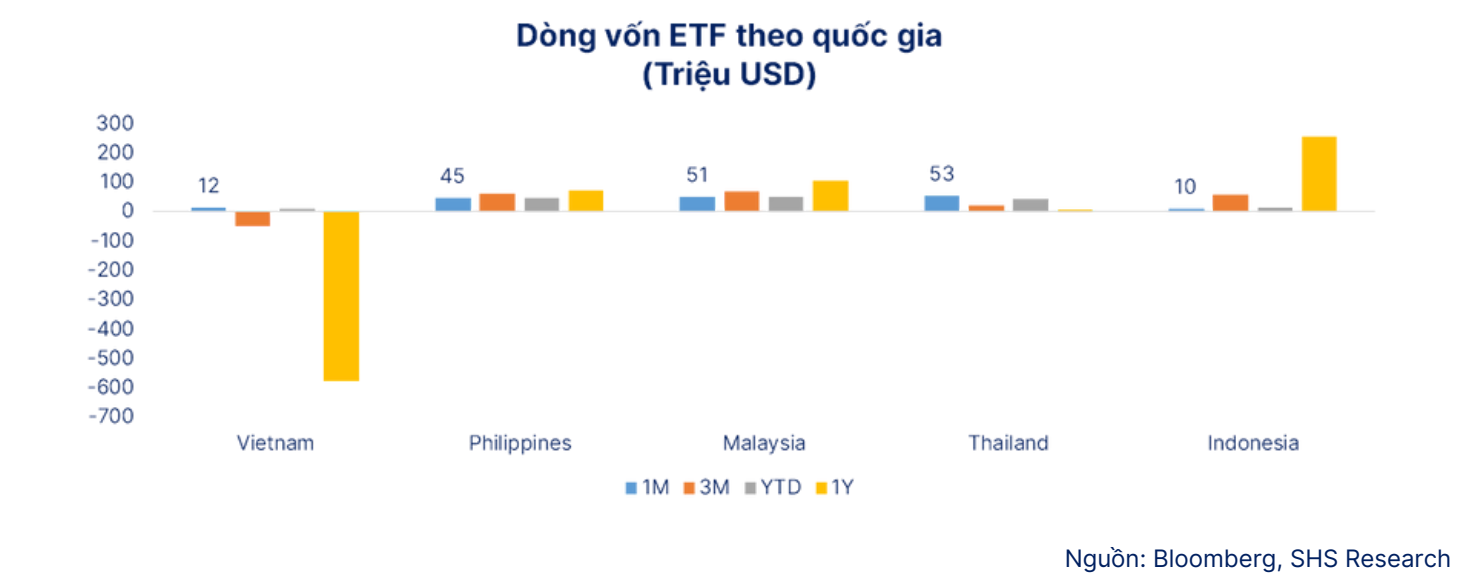
Các mã được NĐTNN mua/bán ròng nhiều nhất trên HNX trong tháng 01/2026 (tỷ đồng)



Nguồn: Fiingroup, SHS Research

TỔNG QUAN TTCK THÁNG 01/2026

Sau áp lực rút ròng mạnh trong năm 2025, trong tháng 01/2026, các quỹ ETF tại Việt Nam đã hút ròng trở lại với qui mô 12 triệu USD. Các thị trường khác trong khu vực các quỹ ETF cũng có diễn biến hút ròng khá tích cực với thị trường Thái Lan (+53 triệu USD), Indonesia (+10 triệu USD), Philippines (+45 triệu USD), Malaysia (+51 triệu USD).



Tên quỹ	Tổng AUM (triệu USD)	NAV (USD)	Số lượng CCQ	Dòng vốn ròng			
				1M	3M	YTD	1Y
DCVFMVN Diamond ETF	545,9	1,55	352.900.000	4,3	7,3	4,3	(32,3)
Fubon FTSE Vietnam ETF	439,7	0,58	759.238.000	(32,3)	(58,4)	(32,3)	(361,8)
DCVFMVN30 ETF Fund	241,3	1,38	175.900.000	(13,3)	(2,2)	(13,3)	(117,3)
VanEck Vietnam ETF	650,8	19	34.250.000	39,7	48,1	39,7	19,6
Xtrackers FTSE Vietnam Swap UCITS ETF	371,3	39,95	9.233.060	7,1	4,2	7,1	(23,3)
SSIAM VNFIN LEAD ETF	21,53	1,19	18.200.000	0,4	1,9	0,4	(2,4)
KIM INDEX Vietnam VN30 ETF	222,5	21,49	10.300.000	(2,3)	(59,3)	(2,3)	(14,8)
SSIAM VNX50 ETF	5,79	1,12	5.200.000	(0,1)	0,2	(0,1)	(1,1)
Global x MSCI Vietnam ETF	33,12	24,72	1.340.000	5,0	6,4	5,0	13,4
SSIAM VN30 ETF	8,68	0,97	9.000.000	(0,2)	0,2	(0,2)	(0,8)
KIM GROWTH VN30 ETF	99,89	0,52	190.900.000	-	(1,1)	-	(4,3)

[\(Trở về trang mục lục\)](#)

TRIỂN VỌNG TTCK THÁNG 02



(Trở về trang mục lục).

TRIỂN VỌNG TTCK THÁNG 02-2026

Thị trường khởi đầu năm 2026 với điểm nhấn là Nghị quyết 79-NQ/TW về phát triển kinh tế Nhà nước. Qua đó thị trường giao dịch rất tích cực, đột biến ở các cổ phiếu đầu ngành, có tỉ lệ sở hữu nhà nước cao trong các nhóm ngành Năng lượng, Bảo hiểm, Khu công nghiệp, Viễn thông, Khoáng sản, Ngân hàng Quốc doanh... Đây là nhóm mã có ảnh hưởng tích cực lên chỉ số VNINDEX, cân bằng với áp lực điều chỉnh của nhóm cổ phiếu Vin Group.

Như đã nhận định trong báo cáo chiến lược năm 2026. Tháng 2, cũng như trong năm 2026 thị trường sẽ chi phối giữa:

Yếu tố tích cực: (1) Nền kinh tế tăng trưởng tốt, mục tiêu tăng trưởng GDP trên 10% năm 2026. (2) lạm phát kiểm soát tốt. (3) Nâng hạng thị trường. (4) Vốn hóa thị trường vẫn tương đối hấp dẫn so với nền kinh tế, tăng trưởng GDP.

Yếu tố rủi ro, bất định: (1) Căng thẳng địa chính trị trên thế giới vẫn tiếp diễn. (2) Không mở rộng chính sách tiền tệ, giảm tăng trưởng tín dụng, lãi suất huy động & cho vay có xu hướng tăng. (3) Thuế quan bắt đầu phản ánh, thu hẹp dòng chảy thương mại trong 2026. (4) Bong bóng đồng thời hình thành trên các loại tài sản: Tiền mã hóa, Vàng-Bạc-Kim loại quý hiếm, bong bóng AI, Giá bất động sản giảm... (5) Tỷ lệ dự nợ vay ký quỹ ở mức cao.

Chúng tôi cũng đưa ra kịch bản có sở cho VNINDEX với vùng giá mục tiêu theo VNINDEX quanh 1.900 điểm - 1.950 điểm, có thể mở rộng lên 2.000 điểm. Thực tế trong tháng 1/2026, VNINDEX đã hướng đến vùng giá quanh 1.920 điểm và tạo đỉnh ngắn hạn, chịu áp lực điều chỉnh.

Trong tháng 2/2026 với các yếu tố bất định đã đề cập: Bất ổn địa chính trị, địa kinh tế. Rủi ro đã xuất hiện bong bóng trên các loại tài sản: Tiền mã hóa, Vàng-Bạc-Kim loại quý hiếm, bong bóng AI, Giá bất động sản giảm. Giảm tăng trưởng tín dụng, lãi suất huy động có xu hướng tăng... Chúng tôi cho rằng trong tháng 2/2026, chỉ số VNINDEX sẽ chịu áp lực điều chỉnh về vùng giá quanh 1.700 điểm.

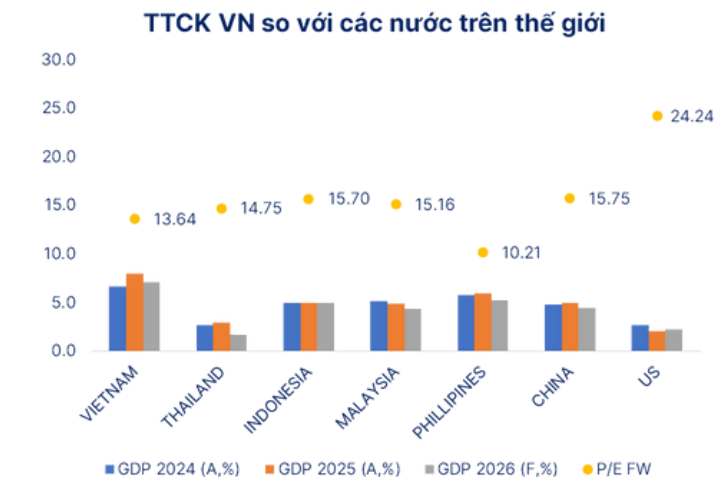
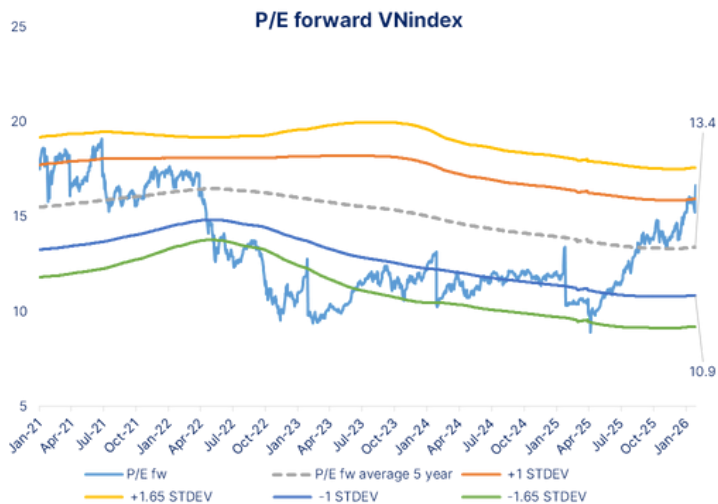
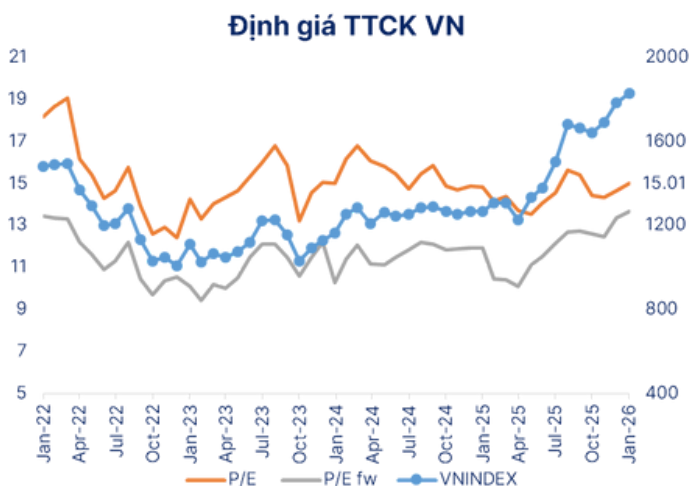
Kết thúc tháng 01/2026, tổng vốn hóa toàn thị trường 420+-tỉ USD_82%+-/GDP 2024. Vốn hóa VN30 236+- tỉ USD_56% vốn hóa thị trường. Các thông số định giá cơ bản khác P/E: 15,9, P/B: 2,1, P/S: 1,8. Đây không phải vùng định giá hấp dẫn của thị trường chung. Điểm tích cực là thị trường vẫn duy trì nhiều doanh nghiệp cơ bản tốt, kết quả kinh doanh năm 2025 tăng trưởng mạnh. Dòng tiền kỳ vọng có thể tiếp tục tìm kiếm các cơ hội tăng giá mạnh ở các mã đầu ngành, có thanh khoản rất cao trong các nhóm ngành gắn với động lực tăng trưởng nội tại của nền kinh tế như chúng tôi đã nhận định trong báo cáo chiến lược đầu năm 2026.



TRIỂN VỌNG TTCK THÁNG 02-2026

Cuối tháng 01/2026, tổng vốn hóa toàn thị trường khoảng 420 tỷ USD, khoảng 82% GDP năm 2025. Định giá P/E của VNINDEX ở mức 15,1; P/E Forward 13,64. Mức định giá này được xem là kém hấp dẫn nếu xét cả nếu xét triển vọng tăng trưởng, quy mô GDP năm 2026. Do đó thị trường cần điều chỉnh về vùng giá hợp lý hơn, hoặc tích lũy chờ các yếu tố của doanh nghiệp cải thiện.

So sánh tương quan với các nước trong khu vực và trên thế giới. Mức P/E Forward 13,64 của VNINDEX không thực sự hấp dẫn hơn.



Nguồn: Bloomberg, SHS Research

LỊCH SỰ KIẾN THÁNG 02-2026

([Trở về trang mục lục](#))



Nguồn: SHS Research

DANH SÁCH KHUYẾN NGHỊ 2026



DANH SÁCH MÃ KHUYẾN NGHỊ DÀI HẠN NĂM 2026

([Trở về trang mục lục](#)).

Trong tháng 01/2026, danh mục khuyến nghị của chúng tôi cơ bản đã chạm giá mục tiêu của hầu hết cổ phiếu và mức hiệu suất ước tính ở mức **+10,2%** so với VN-Index ở mức **+2,49%**.

Danh mục khuyến nghị chờ giải ngân tháng 2/2026

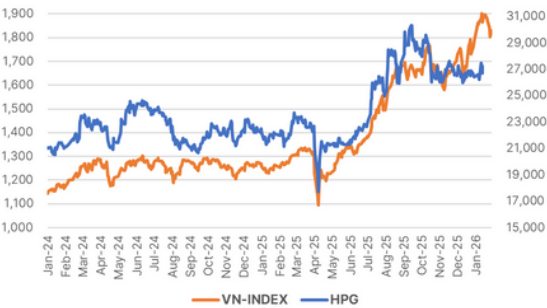
STT	Mã	Giá đóng cửa (31/12/2025)	Giá đóng cửa (30/01/2026)	% YtD	Target Price	Upside	Ghi chú
1	HPG	26.400	26.800	1,5%	31.000	15,7%	TĂNG TỶ TRỌNG
2	BVH	56.800	69.800	22,9%	73.000	4,6%	CHỐT LÃI TỪNG PHẦN
3	PVS	34.300	45.400	32,4%	39.600	-12,8%	CHỐT LÃI TỪNG PHẦN
4	PVT	18.400	20.750	12,8%	23.000	10,8%	CHỐT LÃI TỪNG PHẦN
5	MWG	88.400	92.900	5,1%	99.200	6,8%	CHỐT LÃI TỪNG PHẦN
6	MBB	25.300	27.200	7,5%	31.000	13,9%	CHỐT LÃI TỪNG PHẦN
7	PC1	22.550	24.200	7,3%	29.500	21,9%	CHỐT LÃI TỪNG PHẦN
VNINDEX		1.784,49	1829,04	2,5%			
Bình quân hiệu suất sinh lợi của Danh mục (tháng 01/2026)				+10,2%			

(Click vào từng mã để xem nội dung chi tiết)

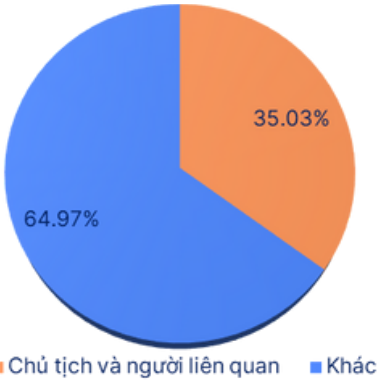
Mô tả doanh nghiệp

HPG là doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh các sản phẩm sắt thép tại Việt Nam. Các sản phẩm chính của công ty: Thép cuộn cán nóng (HRC), Thép xây dựng, Tôn mạ. Ngoài ra công ty còn sản xuất các sản phẩm nông nghiệp và phát triển dự án KCN, BĐS nhà ở.

Diễn biến giá cổ phiếu



Cơ cấu cổ đông



Các chỉ số cơ bản

Tỷ VND	2024	2025A	2026F
Tổng tài sản	224.439	257.921	277.157
VCSH	114.647	31.220	139.939
Doanh thu	138.855	156.116	194.301
LNST	12.020	15.515	16.988
ROE	11,07%	12,69%	12,7%
ROA	5,83%	6,41%	6,5%
EPS (VND)	1.879	2.013	2.213
BVPS (VND)	17.878	16.830	18.232
P/B (x)	1,5	1,6	1,47
P/E (x)	14,3	13,3	11,6

LUẬN ĐIỂM ĐẦU TƯ

- Dự án Dung Quất 2 đi vào hoạt động toàn bộ từ năm 2026 sẽ tăng công suất HRC của HPG thêm 2,86 lần (8,6 triệu tấn), củng cố vị thế đầu ngành của HPG** và tăng sản lượng bán hàng trong nước khi cung không đáp ứng đủ cầu đồng thời tăng khả năng sản xuất các sản phẩm thép đặc biệt có chất lượng và giá trị gia tăng cao.
- Hưởng lợi từ các dự án đầu tư công trong nước và thép HRC nhập khẩu bị áp thuế chống bán phá giá.** Việc HRC từ Trung Quốc bị áp thuế CBPG từ 23,1% - 27,83% sẽ hỗ trợ cho việc bán hàng của HPG trong bối cảnh đầu tư công được đẩy mạnh để hỗ trợ tăng trưởng.
- Triển vọng dài hạn từ cơ hội tham gia cung ứng thép cho các dự án đường sắt cao tốc Bắc Nam, metro.** Dự án đường sắt cao tốc dự kiến sẽ khởi công vào cuối năm 2027 sẽ tạo ra nhu cầu khoảng 6 triệu tấn thép các loại mở ra cơ hội cho các doanh nghiệp trong nước trong đó có HPG.

CẬP NHẬT HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

- Sản lượng thép sản xuất 2025 ghi nhận 11 triệu tấn (+26% YoY), sản lượng bán hàng các loại là 11,8 triệu tấn (+27,7% YoY) trong đó ngoại trừ tôn mạ (-5,2% YoY), tất cả các mặt hàng khác đều tăng so cùng kỳ như ống thép (+20% YoY), thép xây dựng (+8,3% YoY). Năm 2025 sản lượng tiêu thụ HRC của HPG đạt 5 triệu tấn, +73% YoY, tương đương 60% tổng lượng tiêu thụ HRC cả nước.
- Thị phần thép xây dựng của HPG duy trì dẫn đầu thị trường ở mức 36,5%, thị phần ống thép tăng từ mức 27,7% cuối năm 2024 lên 30,9%.
- Mảng nông nghiệp (HPA) ghi nhận 8.326 tỷ đồng doanh thu (+18% YoY), tương ứng 104% kế hoạch năm. hiện HPA giữ thị phần số 1 về cung cấp bò Úc nguyên con tại Việt Nam. Lãi sau thuế của công ty năm 2025 đạt 1.600 tỷ đồng (+55% YoY), hoàn thành 122% kế hoạch năm.
- Doanh thu cả năm 2025 đạt 156.116 tỷ đồng (+12,4% YoY), lợi nhuận sau thuế đạt 15.515 tỷ đồng (+29% YoY), hoàn thành lần lượt 91,8% và 103,4% kế hoạch năm.
- Nhà máy sản xuất ray quy mô 700 nghìn tấn/năm, vốn đầu tư 14.000 tỷ đồng được khởi công cuối năm 2025, dự kiến hoạt động quý I/2027.
- Năm 2025, HPG đã được chấp thuận đầu tư 727ha khu công nghiệp tại Hưng Yên, Phú Yên. Ngày 05/02/2026, đã khởi công dự án KCN Đồng Phúc (355ha) tại Bắc Ninh.

KHUYẾN NGHỊ

Chúng tôi duy trì khuyến nghị **KHẢ QUAN** đối với cổ phiếu HPG . Chi tiết báo cáo xem [tại đây](#).

TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT (HOSE - BVH)

(Quay về danh mục tổng hợp)

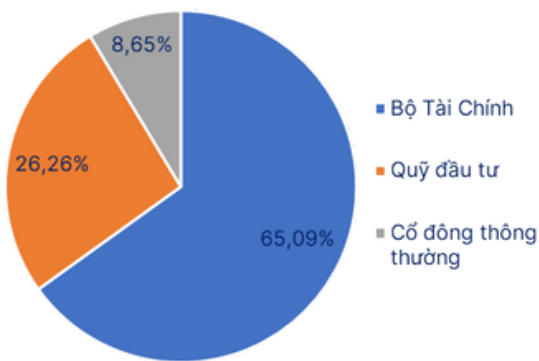
Mô tả doanh nghiệp

Doanh nghiệp bảo hiểm hàng đầu Việt Nam, hoạt động đa ngành từ bảo hiểm, ngân hàng, chứng khoán, quản lý quỹ. 10T2025, BVH chiếm 22,8% thị phần doanh thu phí bảo hiểm nhân thọ (thị phần khai thác mới chiếm 21,7%) và 12,9% thị phần bảo hiểm phi nhân thọ.

Diễn biến giá cổ phiếu



Cơ cấu cổ đông



Các chỉ số cơ bản

Tỷ đồng	2024	2025	2026F
Tổng tài sản	251.286	291.911	309.718
Nợ phải trả	227.720	266.301	282.279
Trong đó: Dự phòng	186.574	201.153	216.180
VCSH	23.566	25.610	28.199
Phí Bảo hiểm gốc	42.592	43.716	44.975
Lãi lỗ gộp	-969	1.631	2.198
LNTT	2.663	3.715	4.830
LNST	2.194	3.051	3.864
EPS	2.843	3.996	5.060
BVPS	30.434	33.113	37.988
P/E	24,55	20,52	15,02
P/B	2,29	2,48	2,00
ROA	0,89%	1,09%	1,28%
ROE	9,60%	12,58%	14,36%

LUẬN ĐIỂM ĐẦU TƯ

- Doanh nghiệp bảo hiểm đầu ngành** với thị phần số 1 ngành bảo hiểm nhân thọ và số 2 đối với mảng bảo hiểm phi nhân thọ, đem lại dòng tiền thuần khoảng 15 - 20 nghìn tỷ đồng/năm. Năm 2025, doanh thu phí bảo hiểm nhân thọ của BVH tăng trở lại 1,5% so với năm trước sau hai năm giảm nhẹ, cao gấp ba lần mức tăng 0,5% toàn ngành.
- Lãi suất huy động và lợi suất trái phiếu tăng giúp nâng cao thu nhập từ hoạt động đầu tư.** Tổng danh mục đầu tư của BVH tại thời điểm cuối năm 2025 đạt 262 nghìn tỷ đồng, trong đó tiền và trái phiếu chính phủ chiếm 83% tổng danh mục. Thu nhập từ lãi tiền gửi và lãi đầu tư trái phiếu trong năm 2025 đạt 12.663 tỷ đồng, chiếm 90% tổng thu nhập từ hoạt động đầu tư.
- Hiệu quả hoạt động bảo hiểm cải thiện nhờ lãi suất tăng giúp giảm dự phòng toán học.** Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm năm 2025 đạt 1.631 tỷ đồng sau diễn biến âm 2.532 tỷ đồng và 969 tỷ đồng trong năm 2023-2024, nhờ chi phí dự phòng toán học giảm mạnh.
- KQKD năm 2026 của BVH được đánh giá khả quan nhờ mặt bằng lãi suất tăng và thị trường bảo hiểm nhân thọ Việt Nam đang có diễn biến phục hồi sau 2 năm thu hẹp.
- BVH đang được giao dịch với P/B fw năm 2026 1,62x, thấp hơn mức trung bình 2,47x trong giai đoạn 2015-2025 và thấp hơn P/B trung bình 1,67x của ngành bảo hiểm.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

- Doanh thu phí bảo hiểm năm 2025 đạt 43.716 tỷ đồng (+2,6% YoY) trong đó doanh thu phí bảo hiểm nhân thọ đạt 32.6429 tỷ đồng (+1,5% YoY), doanh thu phí bảo hiểm phi nhân thọ đạt 11.074 tỷ đồng (+6,2% YoY).
- Hoạt động kinh doanh bảo hiểm cải thiện tích cực với lợi nhuận gộp đạt 1.631 tỷ đồng trong năm 2025 so với diễn biến âm trong năm 2023-2024, ghi nhận 5 quý dương liên tiếp từ Q4.2024.
- Lợi nhuận hoạt động đầu tư cải thiện cùng chiều với xu hướng nhích dần của lãi suất với lợi suất đầu tư ước tính đạt 5,7%.

KHUYẾN NGHỊ

Chúng tôi duy trì quan điểm giá mục tiêu của BVH là 73.000 đồng/cổ phiếu. Hiện giá cổ phiếu BVH đang diễn biến tích cực nhờ xu hướng lãi suất tăng do nhu cầu thời điểm tốt.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM (HNX – PVS)

(Quay về danh mục tổng hợp)

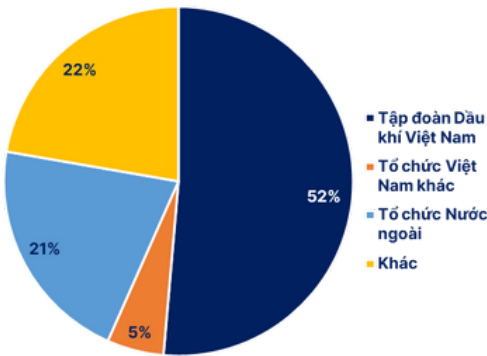
Mô tả doanh nghiệp

Tổng CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PTSC) niêm yết trên HNX từ năm 2007 với mã PVS. Hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ kỹ thuật xây lắp dầu khí, phục vụ chuỗi thăm dò và khai thác.

Diễn biến giá cổ phiếu



Cơ cấu cổ đông



Các chỉ số cơ bản

	2024	2025	2026F
TTS	34.073,9	38.565,9	45.751,8
VCSH	14.890,2	16.208,9	17.488,9
Doanh thu	23.769,9	32.556,3	36.683,2
LNST	1.254,7	1.899,4	1.402,8
ROE	8,10%	12,74%	12,7%
ROA	3,54%	5,01%	4,4%
EPS (VND)	2.238,2	3.560,0	2.934,9
BVPS (VND)	28.388,2	29.374,5	28.648

LUẬN ĐIỂM ĐẦU TƯ

- Thượng nguồn dầu khí nội địa hưởng lợi từ cải cách chính sách.** Nghị quyết 70-NQ/TW khẳng định vai trò trụ cột của ngành dầu khí tạo nền tảng chính sách dài hạn. Nghị quyết 66.6/2025/NQ-CP trao thêm quyền cho PVN trong phê duyệt, điều chỉnh và triển khai dự án, giúp đẩy nhanh tiến độ và giảm rủi ro thực thi. Đồng thời, dự kiến sửa đổi Luật Dầu khí 2022 theo hướng tháo gỡ nút thắt, môi trường đầu tư thượng nguồn dự kiến được cải thiện đáng kể.
- Doanh thu giai đoạn 2025-2026 dự kiến tăng trưởng mạnh mẽ nhờ đóng góp từ các dự án trọng điểm.** EPC Lô B, EPC Lạc Đà Vàng, các dự án điện gió ngoài khơi, Sư Tử Trắng – Giai đoạn 2B,... các dự án này đang bước vào giai đoạn thi công cao điểm. Sau đó, mảng kinh doanh FSO sẽ tạo dòng doanh thu dài hạn từ 2027 sau khi ghi nhận dòng dầu khí thương mại
- PVS bước vào chu kỳ tăng trưởng trung-dài hạn mới** với kế hoạch đầu tư lớn giai đoạn 2026–2030 (nhu cầu vốn: 27.699 tỷ đồng). Việc chia cổ tức bằng cổ phiếu sau gần một thập kỷ cho thấy doanh nghiệp ưu tiên giữ lại tiền mặt để phục vụ các dự án quy mô lớn, tạo dòng tiền bền vững.

CẬP NHẬT KQKD 2025

Doanh thu Q4/2025 đạt 9,554 tỷ VND (-1% YoY) và lãi ròng của cổ đông công ty mẹ đạt 806 tỷ VND (+84% YoY). Mảng M&C đạt 6.321 tỷ đồng (-12% YoY) khi cùng kỳ năm trước ghi nhận mức nền cao từ các dự án điện gió;

Biên lợi nhuận gộp Q4/2025 đạt 8,2%, cải thiện mạnh so với 3,1% cùng kỳ, chủ yếu nhờ việc quyết toán lại chi phí các dự án, bao gồm hoàn nhập chi phí đã trích lập trong các quý trước (Q3/2025 biên M&C chỉ đạt 0,4%).

Doanh thu thuần cả năm đạt 32,556 tỷ VND (+37% YoY) theo đó lãi ròng của công ty Mẹ đạt 1,820 tỷ VND (+70% YoY).

KHUYẾN NGHỊ

Chúng tôi khuyến nghị **KHẢ QUAN** đối với cổ phiếu PVS với mức giá mục tiêu là **39.600 đồng/cp**, tăng 19,3% so với giá đóng cửa ngày 09/06/2025 (33.200 đồng/cp). Chi tiết báo cáo lần đầu vui lòng xem [tại đây](#), báo cáo cập nhật vui lòng xem [tại đây](#).

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ (HOSE – PVT)

(Quay về danh mục tổng hợp)

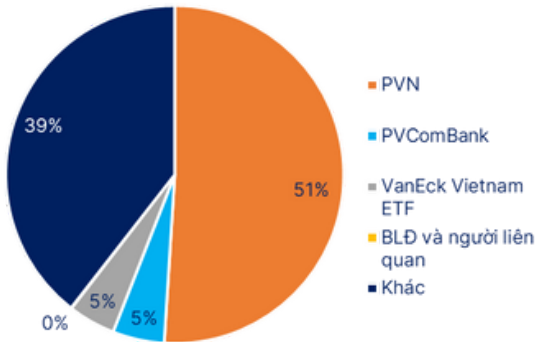
Mô tả doanh nghiệp

Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí (PVT) là công ty con của PVN, thành lập năm 2002. PVT hiện có đội tàu chở dầu lớn nhất Việt Nam (17 tàu và 1 tàu FSO), phục vụ nhu cầu sản xuất và tiêu thụ tiêu thụ dầu khí của Việt Nam.

Diễn biến giá cổ phiếu



Cơ cấu cổ đông



Các chỉ số cơ bản

	2024	2025	2026F
TTS	19.858	22.313	22.700
VCSH	10.390	11.490	12.500
Doanh thu	11.732	16.048	17.200
LNST	1.469	1.329	1.500
ROE	15,05%	12,67%	15.00%
ROA	5,85%	4,92%	5.80%
EPS (VND)	3.070	2.209	3.192
BVPS (VND)	21.682	18.459	20.640

LUẬN ĐIỂM ĐẦU TƯ

- Chiến lược mở rộng và trẻ hóa đội tàu dịch vụ.** PVT liên tục tiếp nhận tàu mới trong năm 2025, nâng tổng năng lực vận tải thêm 17% dự kiến sẽ phản ánh vào KQKD trong năm 2026. Độ tuổi tàu của PVT bình quân từ 5-10 năm, trẻ hơn đáng kể so với mức trung bình toàn cầu, tăng năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp. PVT đặt mục tiêu nâng quy mô đội tàu lên ~100 chiếc vào 2030.
- PVT nắm giữ vị thế chi phối mảng vận tải dầu thô trong nước và lợi thế cạnh tranh tại thị trường khu vực.** 80-90% đội tàu hoạt động tại tuyến Châu Á – Thái Bình Dương và Trung Đông, nơi nhu cầu lọc hóa dầu nội vùng mạnh mẽ. Ngoài ra, PVT còn đẩy mạnh mảng tàu hóa chất và dầu thành phẩm – phân khúc có biên lợi nhuận tốt, ít cạnh tranh.
- Thị trường tàu chở dầu dự kiến phục hồi.** Giá cho thuê tàu dài hạn đang có dấu hiệu phục hồi sau giai đoạn chạm đáy. Phân khúc tàu hàng rời cỡ nhỏ (Handy/SMAX) đã cải thiện trung bình khoảng 20% YTD, giúp mảng này có khả năng có lời trở lại vào năm 2026.

CẬP NHẬT KQKD 2025

- Q4/2025 PVT ghi nhận doanh thu thuần đạt 4,480 tỷ đồng (+37% svck), lợi nhuận ròng đạt 266 tỷ đồng (+27% svck).** Kết quả kinh doanh tích cực đóng góp phần lớn nhờ vào nhu cầu vận tải dầu nội địa và Nội Á duy trì ổn định, bên cạnh đó, trong quý cuối năm PVT đã tiếp nhận thêm 4 tàu mới gồm 2 tàu chở dầu hóa chất, 1 tàu SPT (tàu phục vụ giàn khoan) và 1 tàu chở dầu thô.
- Tổng kết cả năm 2025, PVT đạt mức doanh thu 16,049 tỷ đồng (+37% svck), chủ yếu nhờ vào hoạt động mở rộng các hợp đồng trong bối cảnh giá tàu định hạn không có sự cải thiện đáng kể. Lợi nhuận ròng của công ty ghi nhận 1,038 tỷ đồng (-5% svck), sự sụt giảm nhẹ về lợi nhuận chủ yếu do thu hẹp biên lợi nhuận gộp do chi phí cho dịch vụ ngoài (neo đậu, cảng, logistics) tại một số tuyến đường quốc tế tăng so với năm trước.**

KHUYẾN NGHỊ

Chúng tôi khuyến nghị **TĂNG TỶ TRỌNG** đối với cổ phiếu PVT với giá mục tiêu là **23.000đ/cổ phiếu**

CTCP ĐẦU TƯ THẾ GIỚI DI ĐỘNG (HOSE – MWG)

(Quay về danh mục tổng hợp)

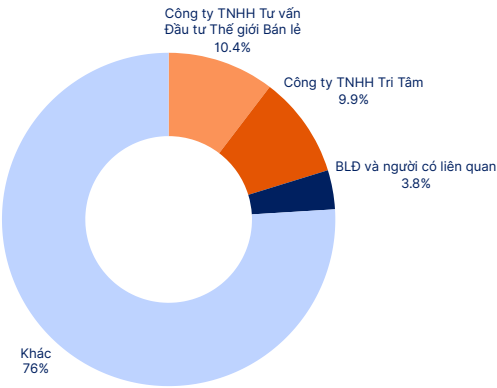
Mô tả doanh nghiệp

Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động là tập đoàn bán lẻ hàng đầu Việt Nam, sở hữu các chuỗi bán lẻ như TGDD, Điện Máy Xanh, Bách Hóa Xanh, Nhà thuốc An Khang với độ phủ khắp toàn quốc

Diễn biến giá cổ phiếu



Cơ cấu cổ đông



Các chỉ số cơ bản

	2023	2024	2025
Tổng tài sản (tỷ VND)	60.111	70.438	83.959
VCSH (tỷ VND)	23.360	28.122	33.179
DT thuần (tỷ VND)	118.280	134.341	156.458
LNST	168	3.733	7.076
ROE	0,7%	14,3%	25,0%
ROA	0,3%	5,9%	9,8%
EPS (VND)	115	2.545	4.812
BVPS (VND)	18.983	21.483	26.519
P/E (x)	365,1	23,6	18,4
P/B (x)	2,2	2,8	3,3

LUẬN ĐIỂM ĐẦU TƯ

- Bách Hóa Xanh là động lực tăng trưởng mới**
 - BHX bắt đầu có lãi từ Q2/2024 (7 tỷ VND đầu tiên), đạt lợi nhuận sau thuế 89 tỷ VND cả năm 2024 (từ lỗ 500 tỷ 2023), và EBITDA hòa vốn từ 2024. Đến 30/6/2025, lỗ lũy kế còn 6.918 tỷ VND (sau khấu trừ lãi 205 tỷ nửa đầu năm).
 - Định hướng tương lai của BHX tập trung "Bắc tiến" từ 2026 (mở trung bình 1.000 cửa hàng/năm, phủ 63 tỉnh), kết hợp omnichannel (BHX Online ra mắt tháng 8/2025, mục tiêu 10% doanh thu) và mô hình mới (VIP lớn 300m²).
 - Định hướng BHX sẽ niêm yết ngay sau khi xóa sạch lỗ lũy kế, dự kiến vào năm 2028
- Chuỗi TGDD+ĐMX duy trì thị phần và doanh thu ổn định, định hướng niêm yết vào Q2/năm 2026.**

CẬP NHẬT KQKD 2025

- Lũy kế cả năm, doanh thu thuần đạt 156.458 tỷ đồng (tăng 16,5% yoy) và LNST đạt 7.076 tỷ đồng (tăng 89,5% yoy).
- Vượt kế hoạch sớm:** Với kế hoạch năm 2025 là doanh thu 150.000 tỷ đồng và lợi nhuận 4.850 tỷ đồng, MWG đã vượt 42% doanh thu và vượt 46% lợi nhuận đề ra, chủ yếu nhờ chuỗi MW.

Kết quả kinh doanh của các chuỗi cụ thể như sau:

- Chuỗi MW (TGDD + ĐMX):** Doanh thu toàn chuỗi ghi nhận mức tăng trưởng vượt trội 28% so với cùng kỳ. Lũy kế cả năm 2025, doanh thu thuần của chuỗi tăng 15,6% yoy, ghi nhận 105,9 nghìn tỷ đồng.
- Chuỗi Bách Hóa Xanh:** Lũy kế cả năm, chuỗi Bách Hóa Xanh đạt gần 46,9 ngàn tỷ đồng doanh thu, tăng gần 14% so với cùng kỳ. MWG mở thêm được 789 cửa hàng so với đầu năm, vượt mục tiêu mở mới 600 CH năm 2025. Hiệu quả hoạt động liên tục được cải thiện.
- Chuỗi An Khang** có doanh thu cả năm đạt gần 2,2 nghìn tỷ đồng, giảm nhẹ so với doanh thu năm 2024.
- Chuỗi AvaKids:** Năm 2025, chuỗi đạt doanh thu gần 1,4 nghìn tỷ đồng (+16% yoy). Trong đó, kênh online đóng góp trên 50% tổng doanh thu của chuỗi (+90%yoy).
- Chuỗi EraBlue** ghi nhận doanh thu tăng hơn 70% so với cùng kì. Hiện tại chuỗi đang vận hành 181 cửa hàng và đã chính thức mang lại lợi nhuận cả năm cho tập đoàn.

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN QUÂN ĐỘI (HOSE - MBB)

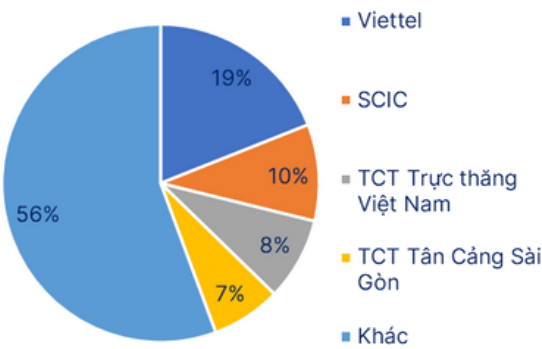
(Quay về danh mục tổng hợp)

Mô tả doanh nghiệp

MBB có quy mô tổng tài sản, huy động vốn và cho vay khách hàng TOP 1 khối Ngân hàng tư nhân. MB hiện là Tập đoàn duy nhất tại Việt Nam đáp ứng đầy đủ dịch vụ tài chính ngân hàng, đầu tư, chứng khoán, quản lý quỹ, bảo hiểm nhân thọ, phi nhân thọ và tài chính tiêu dùng.



Cơ cấu cổ đông



Các chỉ số cơ bản

Tỷ đồng	2024	2025	2026F
Tổng TS	1.128.801	1.615.764	2.166.122
Cho vay KH	765.048	1.070.869	1.445.054
Tiền gửi KH	714.154	921.368	1.294.750
LNTT	28.829	34.268	39.988
BVPS (VNĐ)	21.135	16.901	20.847
EPS (VNĐ)	4.265	3.325	3.884
ROAE (%)	21,18%	20,67%	19,81%
ROAA (%)	2,18%	1,95%	1,65%
NIM (%)	4,08%	3,87%	3,80%
CIR (%)	30,69%	29,07%	30,04%
NPL (%)	1,62%	1,29%	1,50%
LLR (%)	92,25%	93,75%	83,70%
P/B (x)	1,19	1,64	1,33
P/E (x)	5,88	8,36	7,16

LUẬN ĐIỂM ĐẦU TƯ

- Tiềm năng tăng trưởng vượt trội nhờ hạn mức tăng trưởng tín dụng thuộc nhóm cao nhất hệ thống.** Tăng trưởng tín dụng của MBB đạt 39,6% trong năm 2025 và 35% trong năm 2026, vượt xa mặt bằng chung toàn ngành nhờ nhận chuyển giao bắt buộc Ngân hàng MBV và hiệu quả sử dụng vốn thuộc nhóm dẫn đầu toàn ngành.
- Lợi thế quy mô khách hàng, năng lực công nghệ và mô hình hoạt động hoàn chỉnh** hỗ trợ MBB tăng thu nhập ngoài lãi, mở rộng hoạt động qua các nền tảng đối tác API và phát triển sản phẩm dịch vụ tài sản số.
- Chất lượng tài sản cải thiện** với tỷ lệ nợ xấu thời điểm cuối 2025 đạt 1,29%, giảm so với mức 1,62% thời điểm cuối 2024, tỷ lệ bao phủ nợ xấu của MBB theo số liệu hợp nhất là 93,75%, của riêng ngân hàng MB là 100%, đạt mục tiêu đề ra.
- Lợi nhuận tiếp tục tăng trưởng với hiệu quả sử dụng vốn thuộc nhóm dẫn đầu toàn ngành.** LNTT năm 2026 dự báo đạt 39.988 tỷ đồng, tăng trưởng 17% so với năm 2025, được hỗ trợ từ tăng trưởng tín dụng mạnh mẽ, thu nhập phí cải thiện và nguồn thu từ xử lý rủi ro. ROE dự phóng đạt 20% vào năm 2026, thuộc nhóm cao nhất ngành.
- Định giá cổ phiếu hấp dẫn so với vị thế và hiệu quả hoạt động.** Hiện MBB đang giao dịch tại mức P/B 1,6x, thấp hơn mức 1,69x của trung bình ngành. Với mức giá hiện tại, PB forward 2026 hiện là 1,33x, mức hấp dẫn so với vị thế và hiệu quả hoạt động đầu ngành của MBB.

CẬP NHẬT HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2025

- Dư nợ cho vay khách hàng cuối năm 2025 đạt 1,08 triệu tỷ đồng (+39,6% từ đầu năm), trong đó riêng Q4 đóng góp 50% tổng dư nợ tăng thêm.
- Huy động thị trường 1 tăng trưởng mạnh mẽ trong Q4 giúp tỷ lệ LDR giảm xuống 79,91% tại thời điểm cuối năm 2025, từ mức 83,62% thời điểm cuối Q3.2025, tạo cơ sở tiếp tục đẩy nhanh dòng tín dụng.
- KQKD các công ty thành viên tích cực với lợi nhuận 3.434 tỷ đồng, tăng 61% so với cùng kỳ, đóng góp 10% vào lợi nhuận tập đoàn.
- Định hướng năm 2026, MBB đặt mục tiêu tăng trưởng tín dụng 35%, lợi nhuận trước thuế tăng trưởng 15-20%, tỷ lệ nợ xấu kiểm soát dưới 1,5%, chi phí hoạt động kiểm soát dưới 29%, ROE duy trì trên 21%, thuộc nhóm cao nhất toàn ngành.

KHUYẾN NGHỊ

Chúng tôi khuyến nghị **NĂM GIỮ** đối với cổ phiếu MBB với giá mục tiêu **31.000 đ/cp**. Chúng tôi kết hợp hai phương pháp định giá Thu nhập thặng dư (RI) và P/B (1,6x).

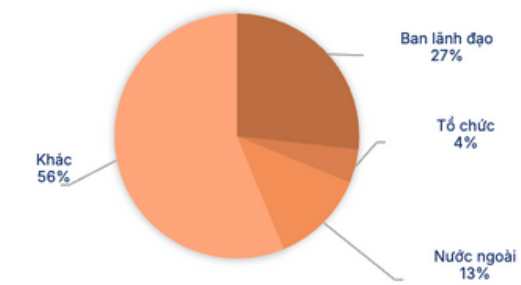
Mô tả doanh nghiệp

PC1 là doanh nghiệp đa ngành nghề hoạt động trong nhiều lĩnh vực, bao gồm: Tổng thầu công trình, nhà máy điện và hạ tầng công nghiệp; Sản xuất khoáng sản; Đầu tư các dự án năng lượng tái tạo và các dự án bất động sản khu công nghiệp.

Diễn biến giá cổ phiếu



Cơ cấu cổ đông



Các chỉ số cơ bản

	2024	2025	2026F
Tổng tài sản (tỷ VND)	20.987	24.564	27.761
VCSH (tỷ VND)	7.716	8.888	11.148
Doanh thu (tỷ VND)	10.088	13.085	14.668
LNST	710	1.364	1.402
ROE	9%	15,3%	13%
ROA	3%	5,5%	5%
EPS (VND)	1.307	2.554	2.626
BVPS (VND)	15.452	15.856	17.947
P/B (x)	1,7	1,5	1,3
P/E (x)	17,6	10,6	9,1

LUẬN ĐIỂM ĐẦU TƯ

- PC1 là doanh nghiệp hưởng lợi nhờ quy hoạch điện VIII điều chỉnh.** Quy hoạch điện VIII điều chỉnh tạo tiền đề cho sự phát triển trong dài hạn của ngành điện, trong đó PC1 với vị thế là doanh nghiệp đầu ngành xây lắp điện sẽ được hưởng lợi khi các dự án điện liên tục được mở rộng. Ngoài ra doanh nghiệp cũng sở hữu 356 MW điện (bao gồm cả thủy điện và điện gió) và vẫn đang tiếp tục mở rộng trong tương lai với mục tiêu 1.000 MW tới năm 2030.
- Triển vọng dài hạn từ mỏ quặng Nickel:** nhu cầu pin xe điện ngày một tăng cao trên phạm vi toàn thế giới đã tạo nên cú hích lớn đối với nhu cầu Nickel (thành phần chính trong pin xe điện).
- Triển vọng ngắn hạn:** đến từ việc bàn giao dự án bất động sản Phú Thị Riverside. Dự án đã tiến hành mở bán trong giai đoạn cuối năm 2025.

CẬP NHẬT KQKD NĂM 2025

- Kết thúc năm 2025, PC1 ghi nhận doanh thu đạt 13.085 tỷ VND (+29,7% yoy), tăng mạnh do hoạt động xây lắp tăng trưởng mạnh với một loạt dự án vào giai đoạn nghiệm thu hoàn thành. Lợi nhuận cả năm 2025 của PC1 đạt 1.364 tỷ VND (+92% yoy), trong đó phần lợi nhuận thuộc về công ty mẹ là 1.050 tỷ đồng (+124% yoy), tương đương với EPS đạt 2.554 đồng/cp.

RỦI RO

- Tiến độ triển khai các dự án điện có thể không nhanh như kỳ vọng ảnh hưởng đến doanh thu hoạt động xây lắp điện của PC1.
- Giá nickel trên thị trường thế giới có thể không tăng như kỳ vọng.

KHUYẾN NGHỊ

Chúng tôi tiếp tục duy trì khuyến nghị **TĂNG TÝ TRỌNG** đối với cổ phiếu PC1 với mức giá mục tiêu là **29.500 đồng/cp**. Chi tiết báo cáo vui lòng xem [tại đây](#).

Danh mục theo dõi

STT	Mã	Giá mục tiêu	Link báo cáo
1	PNJ	110.200	PNJ - GIỮ BIÊN LỢI NHUẬN, BỀN BỈ VỀ ĐÍCH
2	HPG	34.300	HPG - Củng cố vị thế dẫn đầu
3	DPM	41.200	DPM - Tăng trưởng ổn định
4	PVS	43.300	PVS - Hoạt Động M&C dầu khí trong nước khởi sắc với các dự án lớn
5	REE	93.000	REE Triển vọng tăng trưởng tích cực
6	CTR	159.600	CTR upside 34.7% nền móng cho giai đoạn siêu kết nối
7	CTG	47.600	CTG - Cao điểm lợi nhuận sau giai đoạn tang trích lập dự phòng xử lý nợ xấu
8	DGC	134.000	Dự án Tổ hợp Công cộng, Trường học và Nhà ở Đức Giang chính thức được phê duyệt.
9	VPB	23.500	VPB - Triển vọng tăng trưởng nhờ dự địa mở rộng tín dụng.
10	DCM	42.400	Báo cáo Cập nhật cổ phiếu DCM
11	SIP	127.000	SIP_Người khổng lồ đón sóng FDI
12	VTP	168.900	VTP Kỳ lân logistics công nghệ Việt Nam
13	FPT	118.500	FPT - VỮNG VÀNG TRONG BÃO
14	HCM	25.800	BAO CAO PHAN TICH CO PHIEU HCM
15	TCH	17.500	TCH - CÁC DỰ ÁN BẤT ĐỘNG SẢN LỚN BƯỚC VÀO CHU KỲ KINH DOANH
16	PVD	19.450	PVD - SẴN SÀNG CHO THỜI KỲ BIẾN ĐỘNG CỦA GIÁ DẦU
17	PHP	43.536	PHP - KHI XUÂN SANG TRÊN BẾN CẢNG PHP
18	CSV	38.100	Thị trường Hóa chất dần hồi phục, Động lực tăng trưởng dài hạn từ Dự án KCN Nhơn Trạch 6
19	TCB	45.000	TCB - THỜI THẾ TẠO ANH HÙNG
20	SHB	-	TĂNG TRƯỞNG TÍCH CỰC TRÊN CÁC MẢNG HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
21	TAL	54.100	TAL - Doanh nghiệp bất động sản giàu tham vọng
22	VGC	73.600	VGC - KQKD bút phá vượt xa kỳ vọng
23	HDG	31.262	HDG - Vượt qua khó khăn
24	F88	-	F88 Báo cáo niêm yết Chào sàn lọc phát
25	GAS	72.500	GAS - Kinh doanh LPG VÀ LNG dẫn dắt tăng trưởng doanh thu dài hạn.
26	PC1	34.000	PC1 Triển vọng dài hạn từ quy hoạch điện 8 và mỏ Nickel
27	IJC	17.400	IJC - Định hình tăng trưởng dài hạn
28	MWG	99.200	Chu kỳ tăng trưởng mới, tiến tới IPO
29	VPBS	-	VPBS IPO - CƠ HỘI ĐỒNG HÀNH CÙNG VPBS

Danh mục theo dõi

STT	Mã	Giá mục tiêu	Link báo cáo
30	HVN	40.300	<u>HVN_VƯỜN CAO CÙNG ĐẤT NƯỚC</u>
31	VCK	-	<u>VPS (VCK): BOM TẤN IPO CUỐI NĂM</u>
32	MSN	98.300	<u>MSN - DẪN DẮT TIÊU DÙNG - BÁN LẺ, BỨT PHÁ TĂNG TRƯỞNG</u>
33	BSR	17.870	<u>BSR - Doanh thu phục hồi trong ngắn hạn, Dự án nâng cấp Dung Quất mở ra tăng trưởng dài hạn</u>
34	ANV	-	<u>ANV - XÂY LẠI NỀN TẢNG - DẪN ĐẦU THỜI CUỘC</u>
35	SCS	85.000	<u>SCS_BÁO CÁO LẦN ĐẦU PHÁO ĐÀI MẶT ĐẤT TÂN SƠN NHẤT</u>
36	HPA	51.000	<u>TỪ THÉP HÒA PHÁT ĐẾN CHUỖI NÔNG NGHIỆP HIỆU QUẢ CAO của HPA</u>
37	AST	82.700	<u>AST - BÁO CÁO LẦN ĐẦU - CẤT CÁNH TĂNG TRƯỞNG</u>
38	DDV	33.500	<u>DDV - BỨT PHÁ TỪ CHU KỲ THUẬN LỢI CỦA NGÀNH, ĐỘNG LỰC TĂNG TRƯỞNG TỪ DỰ ÁN MAP.</u>
39	KLB	-	<u>KIENLONGBANK - KỶ VỌNG TĂNG TRƯỞNG TỪ MỨC NỀN TIỀM NĂNG</u>

BÁO CÁO VĨ MÔ & WEALTH MANAGEMENT

[BÁO CÁO PHÂN BỐ TÀI SẢN T1/2026](#)

[BÁO CÁO CHIẾN LƯỢC 2026: CÂN BẰNG RỦI RO - LỢI NHUẬN](#)

[Báo Cáo Chiến Lược Vĩ Mô 2026: Vó Ngựa Thời Vận](#)

[BÁO CÁO NGÀNH BÁN LẺ HÀNG TIÊU DÙNG](#)

[NGÀNH HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - ĐÓN KỶ NGUYÊN MỚI](#)

[Báo cáo Chiến lược Tháng 11/2025](#)

[Báo cáo Thị Trường Tiền Tệ & Trái Phiếu tháng 12/2025](#)

[Wealth Management vol. 08: TRI – TRÍ – TẦM](#)

[Báo Cáo về Vàng](#)

[Wealth Management vol. 07: Game-Changer](#)

[Báo cáo Chiến lược Tháng 10/2025](#)

[Báo Cáo Địa Chính Trị Thế Giới](#)

[Báo Cáo về Giá nhà & Giấc mơ an cư của người Việt](#)

[Báo cáo Chiến lược Tháng 09/2025](#)

[Wealth Management vol. 06: Doanh Nghiệp phồn thịnh – Quốc gia hùng cường](#)

[Ngành điện – Tăng trưởng cùng đất nước](#)

[Wealth Management vol. 05: Kim Chỉ Nam Mới Cho Sự Thịnh Vượng Của Giới Đầu Tư Giàu Việt Nam](#)

[Báo cáo Chiến lược Tháng 08/2025](#)

[Báo Cáo TT14 & Luật Hóa NQ42](#)

[Wealth Management vol. 04: Kế thừa hay chuyển giao](#)

[BÁO CÁO NGÀNH: Giá Phân bón neo cao - Cơ hội nào cho Nhà đầu tư](#)

[SHS Outlook H2/2025 – “Trend Following”: “Nếu bạn vẫn tin VN-Index mắc kẹt ở 1.300 điểm, hãy chuẩn bị tinh thần cho lỗ sóng”.](#)

[Báo cáo Chiến lược Tháng 06/2025](#)

[Wealth Management vol. 03: Trung tâm Tài chính Quốc tế](#)

[Báo cáo Chiến lược Tháng 05/2025](#)

[Wealth Management vol. 02: Nghị Quyết 57-66-68](#)

[Wealth Management vol. 01](#)

[Báo cáo Chiến lược Tháng 04/2025](#)

[Dĩ Bất Biến Ứng Vạn Biến: Trước Sóng Gió Thuế Quan \(Quick Update Lần 1\)](#)

[Báo Cáo Việt Nam Trước Nguy Cơ Thuế Quan Từ Mỹ](#)

[Báo cáo Chiến lược Tháng 03/2025](#)

[Triển vọng nâng hạng thị trường lên FTSE Secondary Emerging Market](#)

[Báo cáo Chiến lược tháng 02/2025.](#)

BÁO CÁO THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ

[Báo cáo Thị Trường Tiền Tệ & Trái Phiếu tháng 11/2025](#)

[Báo cáo Thị Trường Tiền Tệ & Trái Phiếu tháng 09/2025](#)

[Báo cáo Thị Trường Tiền Tệ & Trái Phiếu tháng 10/2025](#)

CONTACT INFORMATION

[\(Trở về trang mục lục\)](#)

Research & Analysis Center

Nguyen Minh Hanh
Head of Research
Hanh.nm@shs.com.vn

Macro & Market Strategy

Macro

Vu Tuan Duy
Analyst
Duy.vt@shs.com.vn

Market Strategy

Phan Tan Nhat
Research Manager
Nhat.pt@shs.com.vn

Equity

Financial

Doan Thi Anh Nguyet
Team Lead
Nguyet.dta@shs.com.vn
Le Thu Huyen
Analyst
Huyen.lt@shs.com.vn

Material

Ngo The Hien
Research Manager
Hien.nth@shs.com.vn
Vu Nhat Anh
Analyst
Anh.vn@shs.com.vn

Real Estate

Pham Hong Son
Research Manager
Son.ph@shs.com.vn
Le Anh Thang
Research Manager
Thang.la@shs.com.vn

Industrial

Nguyen Thanh Hoa
Research Manager
Hoa.nt@shs.com.vn

IT

Ngo The Hien
Research Manager
Hien.nth@shs.com.vn

Communication

Nguyen Thanh Hoa
Team Lead
Hoa.nt@shs.com.vn

Energy

Le Nguyen Tu Anh
Analyst
Anh.Int@shs.com.vn

Health Care

Nguyen Thanh Hoa
Research Manager
Hoa.nt@shs.com.vn

Utilities

Pham Hong Son
Research Manager
Son.ph@shs.com.vn

Consumer Discretionary

Le Thu Huyen
Analyst
Huyen.lt@shs.com.vn

Consumer Staples

Doan Thi Anh Nguyet
Team Lead
Nguyet.dta@shs.com.vn

Tất cả những thông tin, dữ liệu và phân tích trong tài liệu này đã được thu thập, tổng hợp và xử lý một cách cẩn trọng tại thời điểm công bố. Tuy nhiên, SHS Research và tác giả không cam kết tính đầy đủ, chính xác tuyệt đối hay cập nhật liên tục của các thông tin được sử dụng. Mọi nội dung trình bày hoàn toàn không đại diện cho quan điểm chính thức của Công ty Cổ Phần Chứng Khoán SHS, trừ khi có ghi rõ.

Các quan điểm, mô hình và nhận định trong báo cáo phản ánh đánh giá chuyên môn độc lập của nhóm phân tích tại thời điểm viết, dựa trên các giả định cụ thể về bối cảnh kinh tế, chính sách và thị trường. Báo cáo này không cấu thành khuyến nghị đầu tư, lời mời gọi giao dịch, hay cam kết hiệu quả tài chính đối với bất kỳ loại tài sản nào, bao gồm nhưng không giới hạn ở cổ phiếu, trái phiếu, ngoại tệ, hàng hóa, bất động sản hoặc các sản phẩm tài chính phái sinh.

Các nội dung trong báo cáo cũng không phải là tài liệu tư vấn chính sách chính thức, và không nhằm thay thế cho đánh giá độc lập của các cơ quan hoạch định hoặc các tổ chức ra quyết định điều hành kinh tế. Mọi phân tích về chính sách công chỉ mang tính tham khảo về mặt logic truyền dẫn và kịch bản giả định, không mang tính chỉ đạo hay phản biện chính sách cụ thể.

Chúng tôi khuyến nghị người đọc (dù là nhà đầu tư tổ chức, cá nhân hay cán bộ hoạch định chính sách) cần tự đánh giá độ phù hợp của thông tin với mục tiêu sử dụng, khẩu vị rủi ro, và bối cảnh pháp lý/kinh tế tại thời điểm xem xét. Các dự báo trong báo cáo mang tính mô hình, có thể thay đổi đáng kể khi các yếu tố đầu vào hoặc định hướng chính sách thay đổi.

Tài liệu này không được sử dụng để xây dựng hồ sơ chào bán chứng khoán, truyền thông tiếp thị sản phẩm tài chính, hoặc làm căn cứ pháp lý nếu không có phê duyệt rõ ràng từ Công ty Cổ Phần Chứng Khoán SHS.

Mọi hành vi sao chép, chia sẻ, trích dẫn một phần hoặc toàn bộ báo cáo cần tuân thủ quy định về bản quyền.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi Bloomberg và FiinGroup.

MỌI THÔNG TIN XIN VUI LÒNG LIÊN HỆ

Trung tâm Phân tích - Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tòa nhà SHS, Số 43 Lý Thường Kiệt, phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội

Tel: (84-24)-3818 1888

Fax: (84-24)-3818 1688

Chi nhánh Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội, Số 41 Ngô Quyền, phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội

Tel: (84-24)-3818 1888

Fax: (84-24)-3818 1688

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2 Số 03 Lê Đình Lý, phường Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng

Tel: (84-511)-352 5777

Fax: (84-511)-352 5779

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 6, Cao ốc văn phòng HDTC, số 36 Bùi Thị Xuân, Phường Bến Thành, Thành phố Hồ Chí Minh

Tel: (84-8)-3915 1368

Fax: (84-8)-3915 1369



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI (SHS)

-  Website: shs.com.vn
-  Tel: 1900 63 8588
-  Email: hotrokhachhang@shs.com.vn



GIAO DỊCH NGAY CÙNG SHS

App trading: SH Smart

Bảng giá: sboard.shs.com.vn

Web trading: shsmart.shs.com.vn